

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

NGÔ TĂNG GIAO
TRẦN BÍCH SAN
PHẠM VĂN TUẤN
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (703) 471-1271
FAX (703) 471-1196
Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
HẢI BÀNG H.D.B. NGUYỄN NGỌC BÍCH.
ĐỖ BÌNH. ĐÌNH CƯỜNG. HOÀNG DUNG.
PHAN ANH DŨNG. VŨ THÁI HÒA.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. VŨ HỐI.
PHAN KHÂM. VI KHUÊ. HUY LÂM.
NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
CAO MỸ NHÂN. PHẠM THỊ NHUNG.
ĐẶNG NGUYỄN. ĐỖ PHÚ. DIỆU TẦN.
NGUYỄN SƠN. TRẦN BÍCH SAN.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH. TIỂU THU.
NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.
HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG. KIM VŨ.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.
VŨ LANG: Anaheim, CA.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



THÁNG 12, NĂM 2010

Mục Lục

Văn

Nguyễn Thị Ngọc Dung: Lá Thư Mùa Đông	5
Trần Bích San: Sự Khác Biệt Căn Bản...	7
Mỹ Phước Nguyễn Thanh : Phường Xưa...	14
Vũ Nam : Căn Nhà Vòng Biển	25
Gs Phạm Thị Nhung : Nét Đẹp Của Người...	29
Nguyễn Bảo Hưng : Có Nên Đặt Vấn Đề	35
Bảo Như : Về Một Cuộc Hội Ngộ	44
Phạm Văn Tuấn : Francisco Goya	51
Hồ Trường An: Nhà Thơ Việt Bằng	61
Đào Đức Chương : Trang Sử Giữ Nước...	70
Ngô Tăng Giao : Chuyện Phීම ජාපාලාලු	78
Phong Thu: « Xin Đừng Trách Đa Đa»	82
Đỗ Phú: Ngĩa Tình Quấn Quanh	87
Diệu Tần : Thần Thoại Và Thực Tế	91
Bạch Cúc -Hải Bằng Hdb:Trường Và...	94
Hoàng Song Liêm : Những Mảnh Trời	101
Nguyễn Quý Đại : Thổ Nhĩ Kỳ...	105
Nguyễn Thùy : Phần Thưởng Cuối Năm	112
Phạm Thị Huệ : Tìm Một Cõi Đi Về	114
Nhất Phương : Chàng Và Vòng Hư Áo...	117
Tôn Nữ Mặc Giao: Trở Về Từ...	120
Nguyễn Văn Nhiệm : Con Đường Văn Hoá	126
Dương Như Nguyễn: Nỗi Niềm Thông Cảm...	138
Nguyễn Sơn : Sáng Tạo Về Nghệ Thuật...	145
Phạm Trọng Lệ : Bài Thơ Gửi Người Yêu ...	147
Tâm Việt : Một Tiếng Nói Nhân Bản...	150
Tiểu Thu : Nợ Duyên	155
Kim Vũ : Bức Tranh Không Vẽ	166
Cung Thị Lan : Mùi Cơm Sôi Cạn Nước	169
Nguyễn Mây Thu : Ở Một Cõi Riêng	175
Phạm Duy Sương : Vài Cảm Nghĩ Về...	179
Thanh Trang: Những Bài Hát Về Thăng Long	182
Nguyễn T.N. Dung: Phố Phường Xưa Hà Nội	189
Ngô Tăng Giao : Đọc Tuyển Tập ...	196

THƠ

Lê Ngọc Kha : Bên Thềm Năm Mới	13
Nguyễn Phú Long : Tấm Thiệp Xuân	13

Nguyễn T. N. Dung : Xuân Hoài Vọng	13
Lý Hiểu : Chút Hương Xuân	13
Trang Hoàng Song Liêm : Hoa Vườn Dị Thảo	22
Đặng Nguyên : Dòng Sông Biệt Tâm	
Yên Vi : Xuân Viễn Xứ	28
Đt Minh Giang : Nghiêng Bóng Chiều	28
Vũ Lang : Hoa Nhân Ai	28
Nguyễn T.N. Ngọc Dung: Mèo Sáu Giáp	32
Lê Ngọc Kha : Đùa Xuân	32
Nguyễn Phú Long : Trước Thềm 73	32
Hồ Công Tâm : Vui Xướng Họa	32
Nguyễn Vô Cùng : Tết Negro	33
Nguyễn Kinh Bắc : Con Mèo Sáu Bó	33
Cao Mỹ Nhân : Vịnh Mèo Sáu Giáp	33
Tâmminh : Con Mèo Sáu Giáp	33
Phạm Khâm : Con Mèo Sáu Giáp	34
Hồ Hương Lộc : Dư Am Đại Hội	50
Hoàng Dung : Hầy Mở Ra Và Cùng Hát	60
Đỗ Bình : Cảm Tác	84
Cao Nguyên : Khi Nhà Thơ Cầm Búa	90
Lý Hiểu : Chào Xuân	99
Trần Quốc Phiệt: Quê Hương Vàng Trắng...	99
Lê Ngọc Kha : Chào Xuân	99
Linh Đan : Xuân Nhở	99
Lê Bá Lộc : Khói Thiêng Sông Núi	100
Phan Khâm : Dòng Sông Thao Thức...	100
Uyên Phương Minh Nguyệt : Không Có Anh	122
Kiều Anh : Gió Chuyển Mùa	129
Lê Thị Công Nhân : I Have A Dream	133
Nguyễn Ngọc Bích : Tôi Có Một Giấc Mơ (Dịch)	
Việt Bằng : Tình Em Đẹp Mãi Một Bài Thơ	144
Thiên Đức : Cổ Tích	153
Phan Khâm : Thiên Đường	154
Vũ Lang : Chúc Xuân	164
Ý Anh : Sông Mơ	168
Nguyễn Mây Thu : Hương Cổ Nhân	178
<u>HÔI HỌA – NHIỆP ẢNH</u>	
Nguyễn Tú Nhật : Khay Trà Ngày Tết	1
Vũ Đình Từ : Tuyết Rơi Đêm Lạnh	25
Monika Kelley : Mèo Bông	32-33

Ngô Đình Chương: Thiểu Nữ Và Con Mèo Đen	34	Buổi Ra Mắt Sách «Những Cánh Hoa Đại...»	201
Đình Cường: Xóm Nhà Annandale Mùa Đông	34	<u>GIỚI THIỆU</u>	
Vũ Thái Hoà : Dưới Chân Đức Mẹ	60	Hà Nguyễn & Associates	2
Minh Châu : Rừng Núi Mùa Đông	109	Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung	22
Nguyễn Sơn : Sang Đông	149	Bác Sĩ Võ Đạm	59
Nguyễn T. Tường Vân : Mèo Mướp	164	Washington Music	98
Nguyễn Sơn : Sang Đông (Bìa sau)	208	Đà Lạt Ngày Tháng Cũ	100
Nguyễn Thuỷ : Mái Ấm Mùa Đông	208	Tủ Sách Tiếng Quê Hương	100
<u>NHAC</u>		Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	119
Thanh Trang : Rừng Thu Thay Lá	43	Sovereign Realty, Inc.	195
Huy Lâm: Cho Riêng Em	110	Harvest Moon	204
<u>SINH HOẠT</u>		Danh Sách Mạnh Thường Quân	205
Nhà Văn Tiểu Thu Tại Virginia	165	Phiếu Mua Báo :	206
Dạ Tiệc Từ Giã DC Của Báo Sóng Thần	187	Văn Phòng LS Ivan M. Waldman & Associates	207

LÁ THƯ MÙA ĐÔNG TUYẾT TRẮNG

Thưa quý vị,
 Khi tập Báo Cỏ Thơm đến tay quý vị thì mùa thu Hoa Thịnh Đốn đã hết lá vàng. Lá đã rụng về cội. Hoa Pansy, hoa cúc là hai thứ hoa chịu đựng được lạnh nhiều nhất cũng phải tàn úa, không còn dấu vết trong vườn cây, lối cỏ. Mùa đông đã đến nơi rồi. Gió lạnh lùa qua rừng thưa cây cảnh trụi lá. Áo len, áo dạ, khăn quàng được đem ra mặc. Lò sưởi bùng lên ánh lửa hồng. Mùi khói củi thơm lừng trong không gian đêm tối. Nhưng chẳng có gì làm thơm cuộc đời bằng tình yêu gia đình thân thuộc, không gì làm ấm hơn được tình bằng hữu, tri kỷ khi ta có nhau.

Không riêng gì vùng Hoa Thịnh Đốn, khắp các tiểu bang Hoa Kỳ và toàn cầu đang sửa soạn đón mừng Lễ Giáng Sinh, Tết Dương Lịch, là mùa chúng ta được chúc tụng nhiều câu tốt đẹp nhất. Mong rằng những lời chúc tụng đó sẽ trở thành sự thực cho cả nhân loại.

Rồi đến Tết Tân Mão, Con Mèo Mới, sẽ vào ngày 3 tháng 2, 2011, vẫn còn trong mùa đông bên trời Âu, Mỹ, băng còn rơi, tuyết còn đổ ngoài

trời. Tết năm ngoái, Hoa Thịnh Đốn bị một trận bão tuyết dài một tuần lễ, tuyết cao lên ngang lưng người. Mong rằng năm nay tuyết rơi đủ đẹp để các thi sĩ làm thơ thôi, không nhiều như năm ngoái làm ngưng trệ tất cả sự sinh hoạt, giao thông vùng trong vùng thủ đô Hoà Kỳ, các chợ Tết, các tiệc Tết trong đó có tiệc Cỏ Thơm phải bãi bỏ.

Vậy mà các nhà văn, nhà thơ Việt Nam hải ngoại chúng ta vẫn có cảm hứng tưởng tượng ra hoa lá cành rực rỡ muôn màu, muôn sắc y như đang giữa chợ hoa Nguyễn Huệ, chợ hoa Bà Chiểu... Sài Gòn hay Chợ hoa Đà Lạt. Quý vị thật tài tình dẫn dắt độc giả trở về với mùa xuân quê hương, hay mùa xuân cuộc đời, lời văn, tiếng thơ không bao giờ cạn.

Phải nói rằng thơ văn Việt Nam Hải Ngoại vẫn được xuất bản mạnh mẽ. Bởi lẽ chúng ta may mắn được sống trong một nước tự do, xã hội cởi mở. Chúng ta được hưởng tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do viết lách, giải bày tình cảm, suy tư dù bất lợi cho chính phủ. Nếu như ở bên nhà với chế độ hiện đại thì đã bị đe dọa, quản

thúc, cấm viết hay vào tù.

Mỗi hận đất nước bị nhuộm đỏ, cuộc đời bị đầy đọa, gia đình tan nát ngàn năm nữa sẽ còn được viết đi, viết lại không nguôi. Những sách tố Cộng vẫn được xuất bản đều đều và bán chạy hơn các loại sách khác. Trong mùa thu qua, vẫn còn nhiều cuốn sách tố Cộng được ra mắt tại vùng Hoa Thịnh Đốn. Điển hình là quyển *Việt Nam Trong Chiến Tranh Tư Hữu* của Tác Giả Nguyễn Cao Quyền; cuốn tạp ghi *Hạnh Phúc Xót Xa* của Nhà Văn Huy Phương, bút ký tự truyện của Nhà Văn Song Nhị. Đó là những tác phẩm được viết bằng tim óc, bằng nước mắt và trái tim rướm máu vì những can qua của tổ quốc, vì những khổ đau của dân tộc mà các tác giả đã chứng kiến, có kinh nghiệm trong cuộc đời, nên nói có sách mách có chứng, để độc giả phải xúc động và cảm phục.

Nhân chuyện ra mắt sách, chúng ta không thể không nhắc tới một buổi ra mắt sách độc nhất vô nhị của tập truyện *Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng* của Nhà Văn Hồng Thủy. Gần 500 quan khách đã tham dự buổi ra mắt sách phá kỷ lục này. Quan khách được thưởng thức một chương trình văn nghệ phong phú, có thức ăn, nước uống, bánh trái ê hề mà không phải mua vé vào cửa.

Kinh nghiệm cho thấy, sự thành công là do chính tác giả, chính ban tổ chức phải quen biết nhiều trong vùng. Tác giả và ban tổ chức không những tự gửi email đi khắp các hội đoàn trong cộng đồng, trực tiếp gửi thiệp, điện thoại mời từng người không những giới báo chí, truyền thông, cầm bút, cầm cọ, cầm đàn, máy ảnh, mà tất cả các giới Hải, Lục, Không Quân, trường xưa, lớp cũ, bác sĩ, kỹ sư, thương gia, địa ốc, thương mại, không bỏ sót một vị quen biết nào. Các tác giả và ban tổ chức ra mắt sách trong tương lai nếu làm được như vậy thì mới hy vọng đông đảo người tham dự và bán được nhiều sách như ý muốn.

Lại nói về nội dung Cỏ Thơm. Cũng như các số báo trước, Cỏ Thơm số 53 vẫn phong phú

bài vở có giá trị, với nhiều hình ảnh mùa đông tuyết trắng, hình mèo mướp, mèo trắng như bông vì Tết Tân Mão 2011, hình bìa của các tác giả và hội viên Cỏ Thơm.

Vì bài viết nhiều nên chúng tôi đã phải cho chữ nhỏ hơn vì số trang có hạn, tập báo mới có thể bỏ vào đúng cỡ bao giấy ấn định và cước phí gửi đi không quá nặng. Mong quý độc giả thứ lỗi vì sự khó đọc. Xin quý vị chịu khó đeo kính và vận đèn sáng khi đọc báo Cỏ Thơm.

Đặc biệt trong số báo này có sự cộng tác lần đầu tiên của Nhà Văn Cung Thị Lan, Maryland với truyện ngắn “Mùi Cơm Sôi Cạn Nước”. Cỏ Thơm cũng đăng bài thơ “Cổ Tích” của Nhà Thơ Thiên Đức (Illinois) lần thứ nhất. Xin chào đón Nhà Văn Cung Thị Lan và Nhà Thơ Thiên Đức. Mong được sự hợp tác lâu dài của hai vị. Nhà Thơ Vũ Lang sẽ bắt đầu là đại diện Cỏ Thơm tại vùng Anaheim, California.

Chúng tôi cũng xin thông báo cùng quý vị, Cỏ Thơm sẽ có một buổi dạ tiệc, dạ vũ kỷ niệm 16 năm sinh hoạt văn học, nghệ thuật vào chiều Chủ Nhật 27 tháng 3, mùa xuân 2011 tại Nhà Hàng Harvest Moon, 7260 Arlington Boulevard, Falls church, VA 22042. Giá vé US\$30. Văn nghệ do các nghệ sĩ tài năng của Cỏ Thơm trình diễn giúp vui. Mong rằng quý vị ở xa có dịp về thăm vùng Thủ Đô, xem hoa anh đào sẽ ghé qua họp mặt với quan khách và đông đủ Văn Thi Nghệ Sĩ của Tạp Chí Cỏ Thơm. Chúng tôi sẽ vô cùng vui mừng được đón tiếp quý vị.

Năm hết Tết đến, toàn Ban Biên Tập và Ban Quản Trị kính chúc quý vị Năm Mới 2011 dồi dào sức khoẻ, có nhiều thời giờ đọc sách báo hơn năm cũ. Sang Năm Tân Mão quý vị và gia đình đều được vừa ý với các sinh hoạt, công việc làm ăn.

Chúng ta không quên cầu chúc cho dân tình quê nhà được dễ thở trong yên ổn, ấm no, và tự do dân chủ sớm đến với quê hương, dân tộc Việt.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

SỰ KHÁC BIỆT CĂN BẢN GIỮA HAI NỀN GIÁO DỤC QUỐC GIA VÀ CỘNG SẢN

Trần Bích San

Y kiến trên một số websites gần đây cho rằng Bộ Quốc Gia Giáo Dục của hai nền đệ nhất và đệ nhị VNCH đứng ngoài cuộc chiến chống Cộng, và rằng đã không đóng góp vào công cuộc đấu tranh của quân dân miền Nam chống Cộng Sản Bắc Việt xâm lược, xem ra có ý chê trách và đổ lỗi cho những người có trách nhiệm về nền giáo dục VNCH. Ý kiến này quả thật phiến diện, thiếu bề sâu và không lưu tâm đến sự khác biệt căn bản giữa hai nền giáo dục của người Quốc Gia và Cộng Sản.

SƠ LƯỢC BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VÀ GIÁO DỤC

Hòa ước năm Giáp Tuất 1874 Nam Kỳ trở thành thuộc địa (Colonie) của Pháp. Hòa ước năm Quý Mùi 1883 và Hòa Ước Patenôtre năm Giáp Thân 1884 Pháp đặt nền bảo hộ (Protectorat) ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Nhận thấy quá khứ Việt Nam nặng về Hán học, Pháp chủ tâm cắt đứt liên lạc giữa người Việt Nam và Trung Hoa, chữ Hán và chữ Nôm cần phải được triệt bỏ. Để hủy diệt nền Nho học, và hướng tinh thần người Việt về với mẫu quốc, Pháp thực hiện ngay hệ thống giáo dục Pháp-Việt cho người bản xứ (Enseignement Franco-Indigène) để phục vụ cho guồng máy cai trị. Hệ thống giáo dục Pháp-Việt ra đời nhằm mục đích đào tạo một lớp người thừa hành chính sách cai trị và khai thác ở Đông Dương cũng như để khai hóa, truyền bá tư tưởng của Pháp.

Ngày 09/03/1945 Nhật đảo chánh Pháp, bộ Tổng Tư Lệnh quân đội Nhật tuyên bố ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập cho các dân tộc Đông Dương. Hai ngày sau, 11/03/1945, Viện Cơ Mật triều đình Huế tuyên bố hủy bỏ hiệp ước Bảo Bộ với Pháp, Việt Nam khôi phục chủ quyền. Ngày 17/04/1945, Hoàng Đế Bảo Đại mời Học Giả Trần Trọng Kim thành lập chính phủ (01). Hoàng Xuân Hãn (02), Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim, sau khi nhậm chức đã bắt tay ngay vào việc soạn thảo chương trình giáo dục Việt Nam. Chương trình giáo dục Pháp-Việt (Enseignement Franco-Indigène) bị hủy bỏ và được thay thế bằng Chương Trình Hoàng Xuân Hãn do Hoàng Đế Bảo Đại ban hành bằng dụ số 67 ngày 03/06/1945. Đây là chương trình giáo dục của Việt Nam đầu tiên được áp dụng trên toàn quốc từ Nam chí Bắc niên khóa 1945-1946. Bốn tháng sau, Bộ Trưởng Giáo Dục Vũ Đình Hòe (03) trong Chính Phủ Lâm Thời (04) cho thành lập Hội Đồng Cải Cách Chương Trình Giáo Dục với phương châm “*Dân Chủ, Dân Tộc, Khoa Học*”, và theo tôn chỉ “*Phục Vụ Lý Tưởng Quốc Gia*”. Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Nguyên Thủy sau cuộc cải cách được gọi là Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân (05)

NỀN GIÁO DỤC DƯỚI CÁC CHÍNH THỂ QUỐC GIA

Người Quốc Gia đã sử dụng chương trình Hoàng Xuân Hãn từ năm 1945 cho đến ngày 30/04/1975 khi miền Nam bị Cộng Sản Bắc

Biệt cường chiếm. Tuy có vài thay đổi dưới các thời Tổng, Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục như Vũ Đình Hòe, Phan Huy Quát, Nguyễn Thành Giung, Vương Quang Nhưồng, Nguyễn Dương Đôn, Trần Hữu Thế, Nguyễn Quang Trinh, Nguyễn Lưu Viên, Trần Ngọc Ninh, và Ngô Khắc Tinh, nhưng nền móng vẫn là Chương Trình Hoàng Xuân Hãn. Một cách chính xác, Chương Trình Hoàng Xuân Hãn đã được dùng làm căn bản và tiêu chuẩn cho cải cách dưới mọi trào từ 1945 đến 1975. Ở mỗi thời điểm sửa đổi, một Hội Đồng Giáo Dục được thành lập, gồm các giáo chức nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, các nhà khoa bảng tân và cựu học, làm công việc bổ xung, cập nhật chương trình cho phù hợp với trình độ học sinh và theo kịp đà tiến hóa của giáo dục, khoa học trên thế giới. Các khuyến cáo của tổ chức văn hóa, khoa học, giáo dục UNESCO thuộc Liên Hiệp Quốc đã được Hội Đồng Giáo Dục dùng để tham khảo trong việc cải cách.

Chương Trình Hoàng Xuân Hãn được hoàn thành bởi những người yêu nước, các nhà trí thức trẻ tốt nghiệp từ các đại học danh tiếng của Pháp, các nhà cựu học uyên bác đầy tâm huyết như Hoàng Cơ Nghị, Nguyễn Dương Đôn, Phạm Đình Ái, Nguyễn Thúc Hào, Nguyễn Xiển, Đặng Phục Thông, Nguyễn Đình Thụ, Nguyễn Duy Thanh, Lê Văn Canh, Nguyễn Hữu Quán. Những vị đóng góp trong việc cải cách ban chuyên khoa văn, sử, địa, công dân của chương trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân có Đào Duy Anh, Nguyễn Huy Báo, Đoàn Nồng, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Thúc Hào, Phạm Đình Ái, Nguyễn Dương Đôn, Tạ Quang Bửu. Đây là một chương trình giáo dục đậm màu sắc dân tộc và nhân bản. **Một chương trình giáo dục có tính cách vô tư** tương tự như nền giáo dục tiến bộ của các nước tự do dân chủ Tây Phương, dưới nhãn quan coi **giáo dục là một hiện tượng tự nhiên**, giáo dục không phải là một hiện tượng xã hội.

NỀN GIÁO DỤC DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN BẮC VIỆT

Về phía Cộng Sản, vì hoàn cảnh cấp bách, Việt Minh (Cộng Sản Việt Nam trá hình) sau khi cướp được chính quyền ở Hà Nội ngày 23/08/1945, trong thời gian đầu miễn cưỡng phải tạm dùng Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân cho đến niên khóa 1949-1950. Khi đã tạm ổn định về trường ốc và giáo chức, Việt Minh cải tổ giáo dục lần thứ nhất vào tháng 07/1950 nhằm mục đích xóa bỏ tính cách vô tư của nền giáo dục. Hai quyển *Giáo Dục Dân Chủ Mới* và *Những Vấn Đề Giáo Dục* của Nguyễn Khánh Toàn (06), Thứ Trưởng Giáo Dục Việt Minh, được dùng làm căn bản cho việc cải tổ. Hai quyển này trình bày có hệ thống các quan điểm và tư tưởng giáo dục dựa trên lý thuyết của chủ nghĩa Marx-Lénin. Các giáo chức phải quan niệm giáo dục là **một hiện tượng xã hội** chứ không phải là một hiện tượng tự nhiên. **Giáo dục và chính trị không phải là hai lãnh vực riêng biệt mà giáo dục phải phục vụ cho mục tiêu chính trị.** Nền giáo dục của Cộng Sản Bắc Việt kết hợp chuyên môn với chính trị, lấy chủ nghĩa Marx-Lénin làm nền tảng nhằm phục vụ cho mục tiêu chính trị và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Giáo dục bị đặt dưới sự lãnh đạo chuyên chế tuyệt đối của đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây là **một hệ thống giáo dục phi dân tộc, phi nhân bản.**

Lần cải tổ giáo dục thứ hai của chính quyền Cộng Sản Bắc Việt được thực hiện vào tháng 06/1956 nhằm mục đích tiến lên xã hội chủ nghĩa, và xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn chi viện tài lực, vật lực cho cuộc xâm chiếm miền Nam bằng bạo lực. Tóm lại, cả hai lần cải tổ giáo dục của Cộng Sản Việt đều nhằm sử dụng giáo dục như một phương tiện cho các mục tiêu chính trị. Lần cải tổ thứ nhất để phục vụ cho chiến tranh với Pháp, lần cải tổ thứ hai để cường chiếm miền Nam. Chính vì thế, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy khả

năng yếu kém của học sinh, sinh viên miền Bắc nếu đem so sánh với miền Nam về mọi môn học, mọi phương diện. Đầu óc non trẻ miền Bắc đã bị nền giáo dục Cộng Sản đầu độc, nhồi nhét những điều sai lạc, phi lý, phi dân tộc như yêu nước là yêu đảng Cộng Sản, yêu xã hội chủ nghĩa, v.v.

KẾT LUẬN

Trong cuộc chiến tự vệ chống Cộng Sản xâm lược, chiến tranh tâm lý có nhiệm vụ vạch ra cho người dân hiểu được sự vô nhân đạo, vô thần, vô gia đình, vô tổ quốc, tàn ác, dã man của Bắc Cộng, đồng thời đề cao chính nghĩa quốc gia, những hy sinh to lớn của quân cán chính VNCH trong việc bảo quốc an dân. **Đây là nhiệm vụ của chính phủ, là trách nhiệm của bộ Thông Tin, Dân Vận, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, Nha Tâm Lý Chiến, truyền thanh, truyền hình, v.v.**

Tư tưởng dùng hệ thống giáo dục, mà nhiệm vụ căn bản là đào tạo con người, thành một công cụ chống Cộng là thiên cận và hạn hẹp. Người Quốc Gia không thể bắt chước theo đường lối độc tài chuyên chính của Cộng Sản. Chính nền giáo dục Cộng Sản đã hủy hoại bao thế hệ tuổi trẻ. Chúng ta, người Quốc Gia khác Cộng Sản. Nền giáo dục của VNCH không phục vụ cho mục tiêu chính trị ngắn hạn, mà nhằm một mục đích lâu dài hơn, rộng lớn hơn là **đào tạo con người với phẩm chất Việt cao**, với lòng yêu nước thương nòi, với niềm tự hào dân tộc.

Chương trình giáo dục của VNCH hướng vào mục đích dân tộc và nhân bản. Chúng ta không cần phải biến học đường, nơi trau dồi kiến thức “*ngày nay học tập, ngày mai giúp đời*”, thành nơi tuyên truyền chống Cộng. Chúng ta không cần học sinh, sinh viên xuống đường biểu tình đả đảo Cộng Sản. Không cần làm thế nhưng Miền Nam Việt Nam có hàng triệu thanh niên

nam nữ tham gia vào hàng ngũ quân cán chính chống Cộng Sản xâm lược. Biết bao anh hùng có danh và vô danh đã nằm xuống để bảo vệ cho chính nghĩa dân tộc. Đó chính là kết quả của nền giáo dục nhân bản VNCH. Những bài học văn chương và sử học từ lớp 1 đến lớp 12 đã sản xuất những công dân Việt với phẩm chất cao, biết lễ nghĩa liêm sỉ, kính già yêu trẻ, giúp người hoạn nạn, cô thế, yêu tổ quốc, yêu quê hương, đồng bào... Anh hùng liệt nữ đứng lên chống ngoại xâm trong chương trình giáo dục bậc trung học VNCH như Trung Trắc, Trung Nhị, Triệu Âu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Thái Học, v.v. đã là những tấm gương sáng cho học trò noi theo. Chính những người trẻ với nền học vấn vững chắc đó khi vào đời tự họ ý thức được bổn phận và trách nhiệm phải đóng góp cho việc chống Bắc Cộng xâm lược, bảo vệ tổ quốc.

Với chiều dài lịch sử, các chế độ chính trị chỉ là nhất thời. Theo thời gian, tất cả sẽ qua đi, chính quyền, chế độ Cộng Sản vô nhân sẽ bị đào thải, hủy diệt. Cái trường tồn vĩnh cửu là đất nước và dân tộc Việt Nam.

TRẦN BÍCH SAN (Louisiana)

CHÚ THÍCH

(01) **Chính phủ Trần Trọng Kim** (thành lập ngày 17/04/1945 tại Huế)

- Tổng lý nội các (thủ tướng): Trần Trọng Kim
- Bộ trưởng Ngoại Giao: Trần Văn Chương
- Bộ trưởng Tiếp Tế: Nguyễn Hữu Thi
- Bộ trưởng Thanh Niên: Phan Anh
- Bộ trưởng Tài Chánh: Vũ Văn Hiến
- Bộ trưởng Nội Vụ: Trần Đình Nam
- Bộ trưởng Y Tế Cứu Tế: Vũ Ngọc Anh
- Bộ trưởng Tư Pháp: Trịnh Đình Thảo
- Bộ trưởng Kinh Tế: Hồ Tá Khanh
- Bộ trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật: Hoàng Xuân Hãn
- Bộ trưởng Công Chánh: Lưu Văn Lang

**VIỆC CHIA CẤP, CHIA BAN, CHIA LỚP TRONG CÁC
CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HỌC TỬ 1945-1970**

CHƯƠNG TRÌNH	CẤP	BAN				LỚP
1945	Phổ thông	A (Cổ văn) B (Kim văn)				1, 2, 3, 4
	Chuyên khoa	Khoa học A	Khoa học B	Hán tự	Sinh ngữ	1, 2, 3
1949	Phổ thông	A cổ điển	B (Sinh ngữ)			7, 6, 5, 4
	Chuyên khoa	Khoa học A	Khoa học B	cổ điển	Sinh ngữ	3, 2, 1
1953	Đệ nhất cấp	Không chia Ban				7, 6, 5, 4
	Đệ nhị cấp	Khoa học A Thực nghiệm	Khoa học B Toán	Sinh ngữ		3, 2, 1
1958	Đệ nhất cấp	Không chia Ban				7, 6, 5, 4
	Đệ nhị cấp	Khoa học A Thực nghiệm	Khoa học B Toán	Văn chương Sinh ngữ C	Văn chương Sinh ngữ D	3, 2, 1
1970	Đệ nhất cấp	Không chia Ban				6, 7, 8, 9
	Đệ nhị cấp	Khoa học A Thực nghiệm	Khoa học B Toán	Văn chương Sinh ngữ C	Văn chương Sinh ngữ D	10, 11, 12

Xuất xứ : Trích trang các quyển **Chương trình Trung học Việt Nam** từ 1945, 1949, 1953, 1958, và 1970 của Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn.

(02) **Hoàng Xuân Hãn** (1908-1996): quê Làng Yên Hồ, Huyện La Sơn, Phủ Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, xuất thân trong một gia đình Nho học truyền thống tại đất Nghệ Tĩnh, con trai Tú Tài Hoàng Xuân Úc. Thuở nhỏ học chữ Hán và Quốc Ngữ tại nhà, sau đó học lớp Nhất Trường Tiểu Học Thanh Hóa, rồi Trường Quốc Học Vinh (Nghệ An). 1926: đậu bằng Thành Chung tại Huế, sau đó ra Hà Nội học Trường Bưởi. 1928: đỗ Tú Tài Tây, được học bổng của chính phủ Đông Dương đi Pháp học. 1930: tốt nghiệp các Trường Normale Supérieure, Polytechnique. 1934: tốt nghiệp Trường Pont et Chaussées, về nước một thời gian ngắn, sau đó trở lại Paris. 1935: Cử Nhân Toán. 1936: Thạc Sĩ Toán. Về nước dạy



*Hoàng Xuân Hãn (1943)
Thượng thư Quốc Gia Giáo Dục
& Mỹ thuật (1945)*

Trường Bưởi, Đại Học Khoa Học Hà Nội, thành viên Thượng Hội Đồng Nghiên Cứu Khoa Học Đông Dương cho đến ngày Nhật đảo chánh Pháp (09/03/1945). Thời gian này hoàn tất quyển *Danh Từ Khoa Học*, sau được dùng làm chuyên ngữ ở bậc trung học Việt Nam. 1945: Hoàng Đế Bảo Đại mời làm Chủ tịch Hội Đồng Cải Cách Giáo Dục. 04/1945: Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật và Quyền Bộ Trưởng Công Chánh (tạm kiêm nhiệm thay Kỹ Sư Lưu Văn Lang) trong nội các Trần Trọng Kim. Cho soạn thảo và ban hành chương trình giáo dục Việt Nam, tổ chức kỳ thi Tú Tài Việt Nam đầu tiên trong lịch sử giáo dục. 1946: trưởng ban Chính Trị phái đoàn Việt Nam của chính phủ Liên Hiệp Kháng

Chiến đàm phán với Pháp tại Hội Nghị Trù Bị Đà Lạt (ngoại trưởng Nguyễn Tường Tam là trưởng phái đoàn). Hội nghị thất bại, sau đó chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, bị quân đội viễn chinh Pháp bắt giữ một thời gian ngắn, chính quyền Pháp xóa tên trong ngành giáo dục. Sau đó được trả tự do, sống ở Hà Nội nghiên cứu văn học. 1951: có lệnh bắt giữ của Pháp nhưng được bạn là Tổng Trần Bắc Phan Nguyễn Hữu Trí giúp điều kiện sang định cư tại Paris cho đến ngày qua đời. Trong thời gian sống tại Pháp giúp thư viện quốc gia Pháp và Thư Viện Dòng Tên Vatican thiết lập thư mục Việt Nam Học tại các nước Âu châu. 1992: thành lập tại Pháp hội Văn Hóa Giáo Dục Cam Tuyền nhằm bảo vệ và phát huy văn hóa giáo dục, bảo tồn văn hóa cổ của Việt Nam tại Pháp và các nước Tây phương. Mất ngày 10/03/1996 tại Paris, hưởng thọ 88 tuổi.

Các báo cộng tác: *Khoa Học, Thanh Nghị* (Hà Nội), *Văn Lang, Sĩ Địa, Bách Khoa* (Sài Gòn), *Đoàn Kết, Diễn Đàn, Tập San Khoa Học Xã Hội* (Paris).

Tác phẩm: *Danh Từ Khoa Học* (1932), *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* (1949), *Lý Thường Kiệt* (1949), *Hà Thành Thất Thủ và Hoàng Diệu* (1950), *Thơ Văn Việt Nam I* (1951), *Mai Đình Mộng Ký* (1951), *La Sơn Phu Tử* (1952), *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* (1953), *Bích Câu Kỳ Ngộ* (1964), *Truyện Song Tinh* (1987), *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* (1995), *Thiên Tình Sử Hồ Xuân Hương* (1995), *Một Vài Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt* (1996).

(03) **Vũ Đình Hòe** (1912-...): sinh ngày 01/06/1912 tại làng Do Lộ, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Đông (nguyên quán Làng Lương Ngọc,

Phủ Bình Giang, Tỉnh Hải Dương), sống và làm việc tại Hà Nội. Xuất thân trong một gia đình Nho học truyền thống, học Trường Tiểu Học Yên Phụ, Trường Bưởi. 1930: đỗ bằng Cao Đẳng Tiểu Học, ở nhà tự học đỗ Tú Tài I, vào học Trường Albert Sarraut đậu Tú Tài Triết, học Đại Học Luật Khoa Hà Nội, tốt nghiệp Cử Nhân Luật, dạy học Trường Trung Học Thăng Long. 1936: tham gia Hội Ánh sáng do Báo *Ngày Nay* khởi xướng, Nguyễn Tường Tam sáng lập. Phó hội trưởng hội Truyền Bá Quốc Ngữ. Gia nhập chi bộ Đông Dương của đảng Xã Hội Pháp (SFIO), gia nhập đảng Dân Chủ Việt Nam. 1941: cùng Phan Anh, Vũ Văn Hiến, Hoàng Thúc Tấn, Lê Huy Vân sáng lập Báo *Thanh Nghị*, giữ chức Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút. Báo ra đời tháng 05/1941, tự đình bản tháng 08/1945. 1945: bộ trưởng Quốc Gia Giáo dục trong chính phủ Lâm Thời. 1946: bộ trưởng Tư Pháp trong chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến. Đắc cử đại biểu khóa I đơn vị Hà Nội. Từ 1960: chuyên viên luật học của Viện Luật Học thuộc Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam.

Tác phẩm: *Các bài viết trên báo Thanh Nghị (1941-1945), Một nền Giáo Dục Bình Dân*

(1946), *Dân Chủ Đa Nguyên và Thời Đại* (1990), *Hồi Ký Vũ Đình Hòe I & II* (1994, 2004)),

(04) **Chính phủ Lâm Thời** (thành lập ở Hà Nội ngày 23/08/1945)

- Chủ tịch kiêm bộ trưởng Ngoại Giao: Hồ Chí Minh
- Bộ trưởng Nội Vụ: Võ Nguyên Giáp
- Bộ trưởng Quốc Phòng: Chu Văn Tấn
- Bộ trưởng Thông Tin và Tuyên Truyền: Trần Huy Liệu
- Bộ trưởng Tư Pháp: Vũ Trọng Khánh

VŨ ĐÌNH HÒE (*)

(*Nhâm tí 1912 - ...*)



- Bộ Trưởng Tài Chánh: Phạm Văn Đồng
- Bộ trưởng Kinh Tế: Nguyễn Mạnh Hà
- Bộ trưởng Cứu Tế Xã Hội: Nguyễn Văn Tố
- Bộ trưởng Lao Động: Lê Văn Hiến
- Bộ trưởng Giáo Dục: Vũ Đình Hòe
- Bộ trưởng Thanh Niên: Dương Đức Hiền
- Bộ trưởng Y Tế: Phạm Ngọc Thạch
- Bộ trưởng Công Chánh: Đào Trọng Kim
- Bộ trưởng không giữ bộ nào: Cù Huy Cận & Nguyễn Văn Xuân

(05) Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân

Tân: là chương trình giáo dục Hoàng xuân Hãn nguyên thủy được sửa đổi bởi Hội Đồng Giáo Dục dưới thời Bộ Trưởng Giáo Dục Vũ Đình Hòe trong chính phủ Lâm Thời (28/03/1945). Học trình bậc Tiểu Học được rút ngắn từ 6 xuống 5 năm, và sửa đổi các môn văn, sử, địa, công dân. Nhưng phải chờ đến gần một năm sau Hội Đồng Chính Phủ Liên Hiệp Kháng Chiến (02/03/1946) mới ban hành Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân bằng Sắc Lệnh số 146 ngày 10/08/1946.

(06) **Nguyễn Khánh Toàn** (1905-1993): quê Xã Thanh Lương, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên, học Trường Quốc Học Huế. 1925: học năm cuối Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương ở Hà Nội, bị đuổi học vì tham gia các cuộc vận động đòi Pháp ân xá Phan Bội Châu, truy điệu Chí Sĩ Phan Chu Trinh. Vào Sài Gòn viết báo, sáng lập tờ tiếng Pháp *Le Nhà Quê* đăng nhiều bài chống Pháp, báo bị đóng cửa, Pháp bắt giam một thời gian. 1928: sang Pháp đi học, tham gia các tổ chức chống việc Pháp cai trị độc đoán ở Đông Dương. 1930: sang Nga học Trường Đại Học

Đông Phương. 1931: tham gia công tác của Cộng Sản Quốc Tế, rồi gia nhập hàng ngũ Cộng Sản Nga. Thứ Trưởng Giáo Dục trong chính phủ Việt Minh do Hồ Chí Minh cải tổ ngày 20/07/1947. Thập niên 1960: Ủy Viên Trung Ương đảng Cộng Sản Việt Nam phụ trách ngành khoa học xã hội. 1993: mất tại Hà Nội.

Tác phẩm: *Giáo dục Dân Chủ Mới, Những Vấn đề Giáo Dục, Cách Mạng và Khoa Học Xã Hội, Vấn Đề Dân Tộc trong Cách Mạng Vô Sản* (2 quyển).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, *50 Năm Phát Triển Sự Nghiệp Giáo Dục và Phát Triển*, nxb Bộ Giáo Dục, Hà Nội, 1995.
- Bộ Quốc Gia Giáo Dục, *Chương Trình Trung Học*, nxb Nhóm Cựu Học Sinh Trường Bưởi, Hà Nội, 1945.
- Đặng Thái Mai, *Nguyên Tắc Cơ Bản Của Nền Giáo Dục Việt Nam Ngày Nay*, Giáo Dục Tân San, tháng 01/1946, Hà Nội, 1946.
- Đoàn Thêm, *Hai Mươi Năm Qua, Việc Từng Ngày 1945-1964*.
- Lê Văn Giảng, *Lịch Sử Giản Lược Hơn 1000 Năm Nền Giáo Dục Việt Nam*, nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2003.
- Nguyễn Khắc Hoạch, *Xây Dựng và Phát Triển Văn Hóa Giáo Dục*, nxb Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1970.
- Nguyễn Q. Thắng, *Khoa Cử và Giáo Dục Việt Nam*, nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1998.
- Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế, *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam*, nxb Tổng Hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

(Ất tị 1905 - Quý dậu 1993)



Xướng

BÊN THỀM NĂM MỚI

Bên thềm năm mới nhớ thi nhân
Chẳng lẽ ngồi yên gởi mấy vần
“Thọ tỷ Nam Sơn” cùng quyển thuộc
“Phước như Đông Hải” khắp hương lân
Tương lai tiến tới đừng do dự
Đĩ vãng quên đi chớ ngại ngần
Nhìn bướm ngắm hoa cho đẹp mắt
Đời vui còn mãi tuổi thanh xuân.

LÊ NGỌC KHA

(Boston, USA)



Họa

TÂM THIỆP XUÂN

Mình bạn bè đâu phải cố nhân,
Ít ra thì cũng thảo dâm vần.
Xa xăm thăm hỏi như thân thuộc,
Gần gũi chuyện trò tựa pháo lân.
Nghèo khó tự nhiên không lưỡng lự,
Giàu sang bình thản chẳng tần ngần.
"Bên Thềm Năm mới" tình trân trọng
Bài họa này thay tấm thiệp xuân.

NGUYỄN PHÚ LONG

(Washington, D.C.)

Họa

XUÂN HOÀI VỌNG

Lời thơ mời mọc giữa tao nhân
Nên cũng chung vui đáp họa vần
Chưa gặp nhưng thâm giao cố hữu
Chẳng quen mà cảm kích đồng lân
Dân tình hoài vọng phương xa lác
Hồn nước vời trông mây trắng ngần
Tết đến trao nhau câu chúc đẹp
Cho lòng xao xuyến cả mùa xuân.

NGUYỄN T. N. DUNG

(Virginia, USA)



Họa

CHÚT HƯƠNG XUÂN

Lâu ngày biệt biệt bóng tình nhân
Ngăn cách gió mưa khéo chuyển vần
Thư tín biếng ghi tên cố quận
Mai đào lười tặng bạn đồng lân
Tìm đâu mái tóc khoe xanh thắm
Thấy lại hoa cau nở trắng ngần
Dặm thẳm đường mây người mỗi ngả
Về đây góp vội chút hương xuân

LÝ HIẾU

(Virginia, VA 10/2010)

PHƯỜNG XƯA PHỐ CŨ HÀ THÀNH

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp Theo Cỏ Thơm 52)

Khu vực bên trong tứ giác Cầu Gỗ - Hàng Đào - Hàng Bạc - Hàng Bè gồm nhiều «phố mới», thành hình sau khi Hồ Thái Cực bị lấp: Đinh Liệt, Gia Ngư...



Phố Hàng Mắm. Bưu ảnh 1905.

Phố **Hàng Mắm** nối tiếp Hàng Bạc thông ra bờ sông. Phố này trước ở bên nước, bán mắm tôm, mắm cáy, nước mắm... do các thuyền buôn chở đến.

Ngã tư Hàng Mắm - Nguyễn Hữu Huân là nền cũ của ô Mỹ Lộc, từ chỗ này ra đến bờ sông là phố **Hàng Trúng**.

Từ ngã ba Hàng Bạc – Mã Mây theo Phố Hàng Mắm chúng ta lần lượt gặp phố Hàng Bè, Ngõ Phát Lộc, phố Bắc Ninh, ngã tư Hàng Tre - Hàng Muối.

Ngõ **Phát Lộc** nối liền Hàng Mắm với Lương Ngọc Quyến, là một ngõ hẹp, cuối thế kỷ 19 còn dài đến tận phố Hàng Chĩnh. Người làng Phát Lộc (Thái Bình) đến đây định cư từ đời Lê. Ở ngõ này còn đình Tiên

Hạ thờ Nguyễn Trung Ngạn.

Phố **Hàng Muối** nối liền Hàng Tre với ngã năm Cột Đồng Hồ ven sông Hồng. Tên phố nhắc lại vị trí cũ của khu vực này là bến sông, nơi thuyền buôn chở muối đến Thăng Long. Người dân ở đây còn làm nghề buôn gỗ.

Phố **Hàng Buồm** đi từ Hàng Ngang – Hàng Đường tới Mã Mây. Thuở xưa ở gần cửa Sông Tô Lịch, phố này chuyên bán các loại buồm và các sản phẩm đan bằng mây, tre như giỏ, thúng, phen... Có lẽ do vị trí tiện lợi vì gần bến sông nên Hoa kiều từ bên Hàng Ngang dọn sang đây kinh doanh, họ mở chạp phô, bách hóa, cao lâu, tửu điểm... ; xây Hội Quán Quảng Đông, Đền Quang Đế... Ở phố hiện nay còn Đền Bạch Mã, xây từ thế kỷ thứ 9, thờ Thần Long Đỗ, biểu tượng là ngựa trắng, vị thần bảo vệ kinh đô và giúp Vua Lý Thái Tổ xây dựng Thành Thăng Long, được phong làm Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương. Gần bên Đền Bạch Mã, lúc trước có Chợ Cửa Đông, sau dời về Chợ Đồng Xuân.



Phố Mã Mây, nhìn từ phía Hàng Bạc, bên trái là đầu Phố Hàng Chĩnh, 1902.

Mã Mây gồm hai đoạn phố liên tục đi từ Hàng Buồm tới ngã ba Hàng Bạc – Hàng Mắm. Đoạn giáp với Hàng Bạc – Hàng Mắm là **Hàng Mã**, nơi bán đồ vàng mã cúng đám tang, đám giỗ. Phần nối tiếp với Hàng Buồm là **Hàng Mây**, trước kia ở gần bên sông, nơi thuyền buôn cập vào, mang đến cho các thương gia những nguyên liệu như mây, tre, nứa, gỗ... Họ sản xuất và bán lại bàn, ghế... Vào thế kỷ 19, Quân Cờ Đen đóng ở khu vực này, là đối thủ lợi hại của Pháp nhưng cũng là mối khiếp sợ của dân Hà Nội. Ở phố này có đền Hương Tượng thờ Nguyễn Trung Ngạn, vị đại thần tài đức vào thế kỷ 14, có công giúp các Vua Trần giữ vững bờ cõi.



Hàng Buồm

Phần đất giữa các Phố Hàng Ngang, Hàng Buồm, Mã Mây và Hàng Bạc gồm các «phố mới», xây lên sau khi Hồ Ngự Vĩ bị lấp, đó là các phố: **Tạ Hiện, Sâm Công, Lương Ngọc Quyến...**

Hai phố ngắn đi từ Mã Mây đến đê Sông Hồng là Đông Thái và Hàng Chĩnh. Lúc xưa Phố **Đông Thái** ở phía nam cửa Sông Tô Lịch, ngày nay còn Đình Đông Thái. Phố **Hàng Chĩnh** bán chum, vại, nồi đất..., đây là đường ra bờ sông qua cửa ô Ưu Nghĩa (hay Ô Trùng Thanh).

Chúng ta hãy trở về «trục chính», đến phố Hàng Đường. Vào cuối thế kỷ 19, phố

Hàng Gạch được xây dựng bên trên dòng Sông Tô Lịch đã lấp, nối liền Hàng Đường với bờ Sông Hồng. Sau đó nhiều phố được xây thêm (Hàng Giày, Đào Duy Từ), cắt Phố Hàng Gạch thành ba phố ngắn: Ngõ Gạch, Án Sát Siêu, Chợ Gạo.

Phố **Ngõ Gạch**, hơi uốn khúc, đi từ Hàng Đường tới Hàng Giày. Đình Thanh Hà ở phố này là nơi thờ Tướng Trần Lựu, anh hùng đời Trần chống giặc Nguyên-Mông. Phố Án Sát Siêu nay gọi là **Nguyễn Văn Siêu**, có Đình Cổ Lương thờ Bà Liễu Hạnh; Trường Phương Đình, nơi dạy học của Nhà Nho Nguyễn Văn Siêu. Phố **Chợ Gạo** ở ngay cửa Sông Tô Lịch đã bị lấp, vào những năm đầu thế kỷ 20 là quảng trường Thương Mại, ở giữa có nhà chợ lợp tôn, chung quanh là các cửa hàng buôn bán gạo hoặc kho chứa gạo.

Phố **Hàng Giày** nối từ Hàng Chiếu đến Hàng Buồm (về sau còn kéo dài vào khu vực hồ Ngự Vĩ cũ), đi qua ngã tư Ngõ Gạch-Nguyễn Văn Siêu. Ở đây chuyên bán giày; may vá quần áo, may mấn (nên đầu phố nối với Hàng Chiếu gọi là **Hàng Mấn**).

Phố **Hàng Chiếu** đi từ ngã tư Hàng Đường - Đông Xuân đến bờ sông, cắt ngang qua các ngã tư: Nguyễn Thiện Thuật - Hàng Giày và Đào Duy Từ - Thanh Hà. Khi xưa nơi đây bán các loại chiếu dệt bằng cói. Lúc Pháp mới chiếm Hà Nội, người dân gọi là Phố Mới, vì là một trong những phố được sửa sang trước tiên theo kiến trúc phương Tây. Ở phố này còn lại Ô Quan Chưởng, là di tích cuối cùng của mười sáu cửa ô chung quanh Hà Nội vào cuối thế kỷ 19.

Phía sau Chợ Đông Xuân ra đến bờ sông là khu vực gồm nhiều «phố mới» như Nguyễn Thiện Thuật, Cầu Đông, Cao Thắng, Thanh Hà, là những phố xây trên Hồ Đông Xuân đã bị lấp.



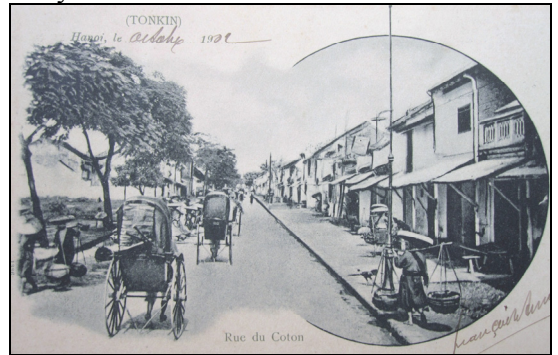
Ở Quan Chương ở Phố Hàng Chiếu, nhìn về phía Sông Hồng (1902).

Phố **Hàng Khoai** kéo dài từ Hàng Lược, bên phía tây của «trục chính», tới Sông Hồng, bán các loại khoai cùng các nông phẩm khác như gạo, ngô, đậu... Một đoạn phố đi sát bên Chợ Đồng Xuân, có Đền Huyền Thiên, xây vào đời Lý, thờ Trần Vũ, vị thần của Đạo Giáo.

Khu vực giữa Hàng Khoai và Hàng Đậu là vùng trũng thấp của hồ Huyền Thiên đã bị lấp, những «phố mới» được xây trên đó có thể kể: phố **Gầm Cầu** (đọc đường xe hỏa lên Cầu Long Biên) và Phố **Nguyễn Thiệp**.

Phố **Bờ Sông** là tên gọi quen thuộc các Đường **Trần Nhật Duật** và **Trần Quang Khải** (người ta gọi là *đường* vì ở vành đai của khu phố và chỉ một bên có nhà cửa, bên kia là sông), nối tiếp nhau chạy dọc theo Sông Hồng, làm giới hạn phía đông của khu phố cổ. Đường Trần Nhật Duật bắt đầu từ Cầu Long Biên đến Cột Đồng Hồ. Khoảng trước 1930, bến tàu thủy Cột Đồng Hồ là nơi sinh hoạt nhộn nhịp, chung quanh có những hàng cơm, quán trọ, bến ô tô, xe tay... Giữa ngã năm, giao điểm của hai đường ven sông và các Phố Nguyễn Hữu Huân, Lương Ngọc Quyên, Hàng Muối, có một chiếc đồng hồ đặt trên cột cao, giúp người dân đến kịp giờ tàu thuyền rời bến. Chúng ta lại trở về đầu Phố

Hàng Đào, đi xem phần phía tây của khu phố cổ. Phố **Hàng Gai** chạy từ Hàng Đào tới Hàng Bông, chuyên bán những sản phẩm làm bằng gai như dây thừng, võng..., ngoài ra còn các nghề khác như: in và bán sách; bán các loại giấy, đồ chơi bằng giấy trong dịp lễ Trung Thu; bán dầu, sơn, nhựa... Riêng đoạn ngắn từ Hàng Đào tới Tô Tịch là phố Hàng Tiện, làm nghề tiện gỗ, chế tạo vật dụng như mâm, chân đèn, mặt bàn... Hàng Gai có Đình Cổ Vũ thờ thần Bạch Mã và thần Linh Lang; Đình Đông Hà thờ thần Quý Minh, vị thần truyền thuyết đã giúp Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh.



Phố Hàng Bông.

Hàng Bông nối tiếp Hàng Gai, kéo dài đến vườn hoa Cửa Nam. Vào thời Pháp thuộc, ở phố này có các cao lầu, khách sạn, nhà in, hiệu sách, toà báo... Đây là một phố khá dài, nay còn lại di tích là các đình Đông Mỹ, Kim Hội...; các đền Kim Cổ, Lương Ngọc, Vọng Tiên, Thiên Tiên... Hàng Bông gồm nhiều đoạn phố ngắn: **Hàng Hải** nối Hàng Gai với Hàng Mành, trước bán các loại hải, sau đổi qua nghề bán giấy; **Hàng Bông Đệm**, từ Hàng Mành đến Hàng Da, bán chăn, đệm, áo bông...; **Hàng Bông Cửa Quyền**, do tên ngôi miếu cổ đã mất dấu, thờ cô Quyền (vị thần không rõ lai lịch); **Hàng Bông Lò**, từ ngõ Hội Vũ đến Cửa Nam, bán các

dụng cụ đánh cá như lò, nôm, đó... ; **Hàng Bông Thợ Nhuộm**, bên cạnh vườn hoa Cửa Nam, làm nghề nhuộm vải, lụa. Hai tuyến xe điện Bờ Hồ - Hà Đông và Bờ Hồ - Cầu Giấy đều đi qua hai Phố Hàng Gai, Hàng Bông.



Đầu Phố Hàng Bông, nhìn từ ngã Sáu Cửa Nam, bên phải là vườn hoa (khoảng 1920.)

Chúng ta lại đến ngã tư Hàng Đường – Hàng Đào, đi về phía tây là **Hàng Bò**, nơi bán những dụng cụ làm bằng tre, nứa như : bô, thúng, sọt... Ở đây có Đền Nhân Nội, thờ thần Bạch Mã. Đầu thế kỷ 20, vùng đất ở hai bên phố này hãy còn những bãi cỏ trống và hồ nước. Đoạn Hàng Đào đến Hàng Cân là **Hàng Dép**, bán guốc, dép... Hết Hàng Bò là đến **Bát Đàn**, kéo dài đến tường thành cũ. Nơi đây bán hàng đàn, tức là hàng gổm men thô như chấu, vại, chum, bát... Xưa có đình Nhân Nội, thờ thần Bạch Mã.



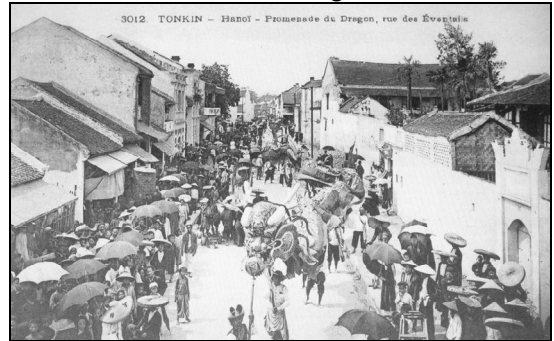
Phố Hàng Bát Đàn, 1902.



Một cửa hàng ở Phố Bát Đàn, 1902.

Phía nam tuyến Phố Hàng Bò - Bát Đàn là một mạng lưới những phố chạy dọc ngang xuống đến Hàng Gai – Hàng Bông. Phố **Lương Văn Can** đi từ hồ Hoàn Kiếm tới ngã tư Hàng Bò. Đầu phố phía Hàng Bò (là một đoạn cũ của Hàng Cân), chuyên bán các loại quạt. Đoạn còn lại chỉ là phố mới lập, nối Hàng Quạt đến bờ Hồ Gươm.

Phố **Hàng Quạt** đi từ Lương Văn Can đến Hàng Nón, đoạn phía đông làm nghề bán quạt. Đoạn phía tây gọi là **Hàng Đàn**, làm và bán các loại đàn tranh, đàn nguyệt, đàn bầu..., sau chuyển sang nghề mộc, chạm gỗ, bán khám thờ, bài vị, kiệu, bàn, ghế, tủ...



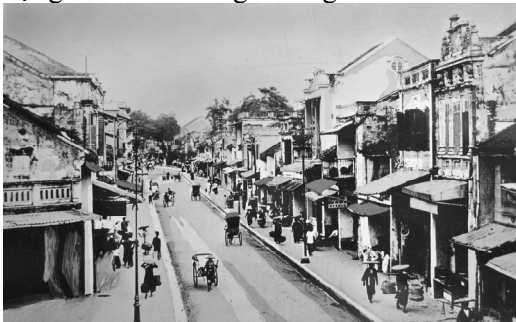
Một đám rước đi qua Phố Hàng Quạt. bưu ảnh 1905

Hàng Quạt có Đình Xuân Phiến Thị thờ ông tổ nghề làm quạt ; Đền Dâu thờ những vị thần có công dựng nước đời Hùng Vương.

Phố **Hàng Hòm** nối liền Hàng Nón với Hàng

Gai, đóng các loại hòm (rương) gỗ và các loại hàng gỗ sơn đen như tráp, ngai thờ, liễn đối... Đình Hà Vĩ thờ tổ sư nghề sơn đen.

Phố **Hàng Nón** nối liền ngã ba Hàng Hòm - Hàng Quạt với phố Đường Thành, cắt ngang Hàng Điều và qua ngã ba Hàng Thiếc. Ở đây có nghề làm và bán các loại nón như: nón thúng, nón ba tầm, nón lá... Riêng đoạn từ ngã ba Hàng Hòm đến Hàng Thiếc là Phố **Mã Vĩ**, chuyên làm và bán trang phục, xiêm, áo, hia, mũ... cho quan lại, đào kép, thầy cúng, bà đồng... Tên phố này do từ các dụng cụ diễu tuồng làm bằng lông đuôi ngựa. Đình Yên Nội Đồng Thành thờ các vị thần có công dựng nước đời Hùng Vương.



Phố Hàng Hòm, 1950.

Hàng Mành nối từ Hàng Nón tới Hàng Bông, chuyên làm mành tre, mành nứa, có khi trang trí bằng màu sắc, hình vẽ phong cảnh, rồng mây... Từ phố này có thể qua Chợ Hàng Da bằng **Ngõ Yên Thái**. Ngõ này xưa là chợ hàng thêu, có đình thờ tổ nghề.

Phố **Đường Thành** nối từ Hàng Bông đến tường thành dương mã nơi cửa Chính Đông cũ. Phố này đi ngang Chợ Hàng Da, Bát Đàn và Hàng Nón. Đình Kim Cổ thờ Nguyên Phi Ỗ Lan đời Vua Lý Thánh Tông, thế kỷ 11.

Phố **Hàng Da** đi từ Hàng Bông đến Chợ Hàng Da. Xưa kia, da bò, da trâu mới lột hay đã phơi khô được mang ra bán trên khoảng

đất dành xây Chợ Hàng Da hiện nay. Gần bên có **Ngõ Hà Trung**, dấu vết con đường tắt dẫn vào thành. Vào cuối thế kỷ 19, ở đây vẫn còn một trạm nhận công văn trong Hà Nội để chuyển đi các nơi, nên còn gọi là «Ngõ Trạm cũ» để phân biệt với Phố **Ngõ Trạm** ở bên ngoài, đi ngang Chợ Hàng Da. Trong ngõ Hà Trung có Đình Yên Nội Cổ Vũ, thờ Thiên Sư Từ Đạo Hạnh, đời Lý, thế kỷ 12.



Hàng Điều

Phố **Hàng Điều** nối tiếp Hàng Gà, đi từ Bát Đàn đến Đường Thành, trước Chợ Hàng Da. Phố này làm và bán các loại điều hút thuốc Lào. Một số nhà làm nghề thuộc da, bán giày, dép...

Đền Thần Hỏa thờ ông thần phù hộ dân chúng tránh khỏi hỏa tai. Phố **Hàng Thiếc** đi từ ngã tư Hàng Bò - Bát Đàn đến Hàng Nón, qua vùng đất thấp của đầm hồ cũ đã bị lấp. Phố này làm nghề đúc thiếc, hàn tôn chế tạo các vật dụng bằng thiếc, tôn sắt, tôn kẽm như ấm trà, khay trà, chậu, ống nước, đồ chơi trẻ em...

Chúng ta trở lại ngã tư Hàng Ngang - Hàng Đường, bên phía tây là phố **Lân Ông**, kéo dài đến ngã tư Hàng Vải - Thuốc Bắc. Tên cũ của phố này là Phúc Kiến vì vào đầu thế kỷ 16 các Hoa kiều gốc Phúc Kiến đã cư ngụ ở đây. Nghề cũ của phố này là bán đồ đồng, đồ sắt. Đến cuối thế kỷ 18, nghề bán thuốc, bốc thuốc, xem mạch mới phát triển cho đến nay. Ở phố này có Hội Quán Phúc Kiến.

Phố **Hàng Vải** nối tiếp với phố Lãn Ông, chạy thẳng đến Phố Phùng Hưng, bán các loại vải nhuộm thâm, nhuộm nâu. Đoạn giữa Hàng Đồng và Hàng Gà là **Hàng Cuốc**, bán các nông cụ như cuốc, thuổng... Đình Đông Thành thờ Trần Vũ; Đình Tân Khai thờ các vị thành hoàng của Thăng Long là Bạch Mã, Tô Lịch và Thiết Lâm, đã giúp Vua Lý Công Uẩn xây dựng kinh đô.

Phố **Hàng Cân** nối liền Phố Lãn Ông với Hàng Bồ, bán các loại cân, thước gỗ... Ngoài ra còn bán sơn sống (nhựa sơn dùng làm keo gắn, trang trí bàn ghế...). Đền Xuân Yên thờ thần Lân Ngọc, có công chống giặc Chiêm Thành.

Phố **Thuốc Bắc** đi từ Hàng Mã đến Hàng Bồ, vì cắt ngang qua các phố khác nên bị chia thành nhiều đoạn ngắn, mỗi đoạn tương ứng với một nghề riêng: ngoài nghề bán thuốc bắc, ở phố này còn bán các loại khoá, quần áo cũ, vải nhuộm thâm, bút, nghiên... Phố **Bát Sứ**, tên khác là Hàng Bát, gồm cả Hàng Đồng và Hàng Rươi ngày nay. Phố Bát Sứ nối từ ngã tư Hàng Vải tới ngã ba Bát Đàn, chuyên bán hàng sứ như bát, đĩa, lọ, ấm...

Hàng Bút là phố ngắn nối Thuốc Bắc với Bát Sứ, là nơi từng bán bút, mực, giấy... cho học sinh, ngoài ra còn tên khác là **Hàng Mụn** vì bán cả mụn vải, vải vụn để may y phục cỡ nhỏ dành cho trẻ em. Phố Hàng Gà chạy từ ngã tư Hàng Mã đến ngã tư Bát Đàn, chuyên bán gà, vịt..., gồm cả phố **Thuốc Nam** nằm ở đoạn giáp với Bát Đàn, bán các vị thuốc trong nước. Ở phố này có Chùa Thái Cam, lấy tên của cái giếng cổ cho nước ngọt. Phố **Hàng Phèn** nối từ Hàng Gà đến Thuốc Bắc, cắt ngang Bát Sứ, trước kia là phố Chợ Cũ vì ở gần chợ Đông Thành đã bị phá bỏ. Xưa phố này bán các loại phèn, đặc biệt là phèn chua để lán cặn, lọc nước sông, hồ hoặc

để làm thuốc.

Chúng ta trở lại Phố Hàng Đường, theo

hướng tây thẳng vào Phố **Hàng Cá**, là phố nối liền Ngõ Gạch với Lò Rèn, cắt ngang Phố Chả Cá. Khi xưa nơi đây là bờ phía nam của Sông Tô Lịch, có trại Tiên Ngư bán cá tươi. Đình Hàng Cá thờ Lý Tiên, anh hùng chống giặc Ân vào đời Hùng Vương. Phố **Lò Rèn** đi thẳng từ Hàng Cá đến Hàng Gà, cắt ngang Hàng Đồng. Phố này còn gọi là **Hàng Bừa** vì làm nghề rèn sắt, chế tạo những dụng cụ như răng bừa, lưỡi cày, cuốc, dao, kéo... Đình Lò Rèn thờ tổ sư nghề thợ rèn.



Phố Hàng Mã, 1910.

Phố **Hàng Mã** chạy từ ngã tư Hàng Đường - Hàng Đồng Xuân tới phố Phùng Hưng. Đoạn giáp với Hàng Đường - Hàng Đồng Xuân chuyên bán hàng mã để trang trí hay để cúng tế như giấy màu, đèn giấy, đồ mã... Đoạn giáp với phố Phùng Hưng bán các vật dụng bằng đồng như mâm, nồi, lư hương...

Phố **Chả Cá** đi từ Hàng Mã - Hàng Lược đến Lãn Ông - Hàng Cân. Nơi đây từng bán nhựa sơn dùng trong nghề mộc, trang trí bàn ghế..., vì vậy tên cũ là **Hàng Sơn**. Cuối thế kỷ 19, gia đình họ Đoàn, sống trong phố này, mở quán chuyên bán món chả cá. Bên trong bày tượng ông Lã Vọng, lâu ngày quán mang tên «Chả Cá Lã Vọng» và phố cũng lấy tên món ăn nổi tiếng ấy.



Tranh bán trên vỉa hè Hà Nội vào dịp Tết, 1902.

Phố **Hàng Đồng** nối từ Bát Sứ đến Hàng Rươi, cắt ngang Lò Rèn, buôn bán vật dụng bằng đồng như mâm, nồi, chảo, lư hương...

Phố **Hàng Lược** đi từ Hàng Cót - Gầm Cầu đến Hàng Mã - Chả Cá, chuyên bán lược sừng, lược gỗ... Xưa phố này chạy vạy tên cũ của nó là Sông Tô Lịch. Còn một tên khác mà ngày nay nhiều người vẫn gọi là Cống Chéo Hàng Lược vì ở đầu phố phía Hàng Mã trước kia có chiếc cống (cầu ngán) bắc chéo qua sông. Ở phố này có:



Phố Hàng Lược, nhìn về phía Cầu Sắt (Phố Gầm Cầu). Bên trái là Đền Hội Giáo (Chùa Tây Đen).

Đình Phủ Từ và Vĩnh Trụ, thờ các nữ thần như Tứ Vị Hồng Nương, bà Liễu Hạnh... ; Nhà Thờ Hội giáo xây vào cuối thế kỷ 19. Phố **Hàng Cót** đi từ vườn hoa Hàng

Đậu đến ngã tư Hàng Mã – Hàng Gà, chuyên nghề đan cót, phen bằng nứa, tre... Đền Tam Phủ thờ Bà Liễu Hạnh, Đức Trần Hưng Đạo ; đền Ngũ Giáp thờ thần Lý Tiến.

Phố **Hàng Chai** nối từ Hàng Lược – Hàng Rươi đến Hàng Cót. Trước kia phố này là ngõ Chè Chai vì nhiều dân nghèo sống ở đây làm nghề mua bán các vật phế thải như chai lọ cũ, sắt vụn, đồng nát... Ngoài ra, ở đây cũng có người theo nghề múa sư tử. Đình Ca Công thờ tổ sư nghề hát ả đào. Phố **Hàng Rươi** đi từ Hàng Lược đến Hàng Mã. Có lẽ phố này ở gần bến sông cũ, thuyền từ Sông Hồng mang rươi đến đây bán vào khoảng tháng mười hằng năm.



Phố Hàng Trống không nằm trong Khu Phố Cổ, 1950.

Biên giới phía tây của khu phố cổ là Phố Phùng Hưng. Từ phố này, những «phố mới» như Nguyễn Văn Tố, Nhà Hỏa, Cửa Đông... theo hướng đông – tây nối vào khu phố cổ. Phố Phùng Hưng xây trên tường thành đã bị san bằng và hào đã bị lấp. Xe hòa từ Ga Hàng Cỏ đến, chạy trên cầu xây cao sát bên phía tây của phố này, đi lên phía bắc theo Phố Gầm Cầu ra thẳng Cầu Long Biên.

Chúng ta kết thúc chuyến thăm chớp nhoáng khu phố cổ Hà Nội, không quên đường xe điện Yên Phụ - Kim Liên bắt đầu chạy khoảng năm 1935, đi qua Hàng Cót, Hàng Gà, rẽ sang Bát Đàn, Phùng Hưng, Cửa Nam...



Vườn Hoa Cửa Nam với tượng Nữ Thần Tự Do (Tượng Bà Đầm Xoè). Bưu ảnh 1905.

Xem qua các phố phường xưa, chúng ta càng thêm ngưỡng mộ những bậc tiền nhân đã không ngừng đổi phó với thiên tai, lũ lụt, biến vùng đầm hồ thành một đô thị trù phú. Người xưa đã hợp quần trao đổi, mua bán,

phát huy nghề nghiệp cổ truyền, lưu truyền nghệ thuật qua sản phẩm, kiến trúc... nhưng không quên duy trì thuần phong mỹ tục, tín ngưỡng. Phố cổ là một di sản đáng tự hào, ước mong sao sẽ được mãi mãi tồn tại và phát triển.

Tài liệu tham khảo

- Hà Nội cũ – Doãn Kế Thiện (1943)
- Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội – Doãn Kế Thiện (1999)
- Phố Phường Hà Nội Xưa – Hoàng Đạo Thúy (2000)
- Histoire de Hanoi – Philippe Papin (2001)
- Bản đồ Hà Nội 1890, 1925, 1974.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Paris)

Bác Sĩ

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG

VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044

Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: **10:00 AM - 2:00 PM**

Chủ Nhật: Theo hẹn

Nhận Medicaid, Medicare,
và các loại bảo hiểm.

HOA VƯỜN DỊ THẢO

Hái bông hoa của một thời trẻ dại
Ta trao Em một buổi tình cờ
Đóa hoa ấy Em nào có đợi
Tay vụng về năm ngón tũn bơ vơ

Hái bông hoa trong một vườn dị thảo
Ngát hương lòng ta gửi tặng riêng Em
Em chẳng nhận, cả một trời sầu não
Ta trở về ngồi đợi bóng trắng lên.

Hái bông hoa của mùa Xuân tàn tạ
Ép phơi pha trong cuốn vở học trò
Ta chợt thấy cả rừng hương sắc lạ
Em lại về trong giấc mộng đêm xưa.

Hái bông hoa của một thời dĩ vãng
Đợi Em buồn thấp thoáng trong mơ
Đêm vô tận ta ngồi chờ đợi sáng
Bóng ta sầu đổ xuống những trang thơ.

Đóa hoa ấy trên cành khô héo quắt
Đợi Em về mỗi mắt báo tin xuân
Tình yêu cũ nở trong vườn huyễn hoặc
Ngày hoang vu, đêm mộng mị thêm gần.

Hoàng Song Liêm
(Virginia)

DÒNG SÔNG BIỆT TẮM

Bao năm rồi ? - Mất nước
Người còn nhớ ta không ?
Khi từ biệt dòng sông
Trên đường vào hỏa ngục.

Màu mắt ai sương đục
Theo khốn khó tận cùng
Còn hai chữ thủy chung
Mỗi người mang một nửa.

Thời gian qua biển lửa
Ngày đối diện cùm gông
Đêm hành hạ xác thân
Đào điên qua vận thế.

Dòng sông trôi lạnh lẽ
Thương nhớ chất chất chông
Người đi biệt biệt tắm
Bỏ vầng trăng tà xế.

Quên rồi lời ước thệ
Người còn lại gì không
Suối tóc xòa mênh mông
Màu thời gian bạc phếch.

Đăng Nguyên
Virginia, 30- 4- 2010



Căn Nhà Vùng Biển

VŨ NAM

Khi tôi vừa nhận biết cuộc đời là lúc tôi lên năm tuổi, năm 1959. Cái biết đầu tiên ấy đến với tôi là căn nhà của cha mẹ ngay trên bờ biển. Nói đúng hơn là một gian nhà dài, quán ăn cho khách du lịch ở phía trước, đằng sau là nhà ở, nằm trong ấp Nước Ngọt, thuộc Xã Long Hải. Ấp Nước Ngọt ngày đó là một ấp du lịch, nằm dọc bãi biển, dựa vào dãy Núi Kỳ Vân đồ sộ. Theo con đường chạy xuyên ấp đầy những chùa chiền và những *vi-la* của người Pháp, công chức cao cấp và những người giàu có ở Sài Gòn.

Với năm tuổi, tôi biết làm gì cho hết ngày trong một ấp rộng lớn đầy phong cảnh đẹp, có biển cả, có rừng núi, chim chóc, hoa trái này? Thời ấy, Nước Ngọt không có lớp mẫu giáo. Trẻ con cứ long nhong chơi đùa, đến sáu tuổi mới về trường tiểu học ở Xã Long Hải hoặc Phước Hải để nhập học lớp năm (bây giờ gọi là lớp một). Buổi sáng sau khi ăn sáng xong, ba má tôi còn đang bận buôn bán với khách, chơi với em tôi, tôi một mình đã thả rong đi đến nhà những thằng bạn, con bạn. Tụi nó là con của nhà làm *gát-dan*, của người làm vườn rẫy, hoặc con của chủ nhân một *vi-la* rộng lớn. Trời mới mười giờ sáng tôi đã rủ tụi nó đi ra ngoài chơi, bắt chim, hái trái. Có hôm đi suối, đứa leo lên cây, đứa nhảy xuống suối tắm. Cảnh dòng suối, sau một đêm yên tĩnh đã động lên vì tiếng cười của lũ trẻ. Tắm xong, bọn tôi chơi

trò nghịch ngợm, lần theo dòng suối đến con đường mòn, chùng vào những ống cống dưới những con đường, trườn mình đi như những con rắn, con rắn để qua phía bên kia. Trong ống cống tối thui, thăm thẳm, kẻ bò sau cứ nắm chân người bò trước mà trườn tới.

Ngày đó tôi có quen với Hùng, em trai của Hạt. Tôi và Hùng bằng tuổi. Hạt lớn hơn tụi tôi một tuổi. Hai chị em là con của gia đình người *gát-dan* cho một *vi-la* của người Pháp, giám đốc đồn điền cao-su ở Bình Ba - Bình Giả. Với năm tuổi tôi chưa nhận ra được việc gái trai, sắc đẹp. Nhưng ba năm sau, lúc tám tuổi, tôi đã nhận ra vẻ đẹp của Hạt. Hạt có cặp lông mày đẹp. Hạt giống mẹ. Cặp lông mày thật đen, đẹp như vè. Da Hạt bánh mật. Mặt trái soan. Những buổi trưa hè đi tắm biển, Hạt mình trần, bên dưới chỉ có chiếc quần xi-líp trắng, mỏng. Chín tuổi, nhưng Hạt đã có mái tóc đen, dài. Trầm mình trong nước biển, mái tóc Hạt xỏa ra rất đẹp. Cặp mắt Hạt với hàng mi đen cong vút. Thân hình Hạt ngày đó đã hiện lên cho thấy sau này Hạt sẽ trở thành cô gái có mình đây, mảnh khảnh. Đúng như tôi nghĩ, năm bảy ba, khi gặp lại nhau ở Sài Gòn, dù bấy giờ Hạt đã có hai con, thân hình Hạt vẫn mình đây như ngày thơ ấu.

Ngược lại với Hạt, Hùng lại trắng hồng. Ở vùng biển mà da nó cứ trắng hồng mới thật là lạ. Có lẽ Hùng giống ba. Ba Hùng ngày đó dù là *gát-dan* nhưng da ông cứ có màu sắc trắng hồng, mạnh mẽ. Đi đâu, ba đứa chúng tôi cũng hay đi với nhau. Thịnh thoảng chúng tôi cũng rủ được các bạn khác. Nhưng những

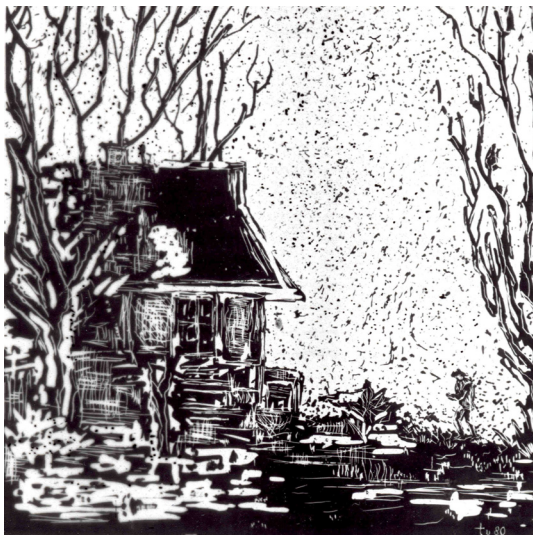
gặp gỡ, đi chơi chung với những bạn khác không kéo dài lâu. Cuối cùng chỉ có ba chúng tôi chơi với nhau mãi đến khi chiến tranh kéo đến Ấp Nước Ngọt, dân nơi đây phải tản cư về nơi khác, chúng tôi mới tan hàng.

Một trong những điều làm tôi rất vui trong những ngày ấy là khi vào được vi-la do ba Hưng làm gát-dan,. Vào đó tôi được ngồi trên cầu tiêu mà như ngồi trên đi-văng hay ván gỗ, mông thấy mát lạnh. Đi cầu xong, kéo nước dội bằng sợi dây xích nối liền với bồn nước nhỏ nằm sát vách, trên trần nhà cầu. Tiếng nước vào cầu kêu cái ào, thật nhanh, rồi ngưng bật, nhưng lại ngân vang trong lòng trẻ thơ một niềm vui kỳ lạ, nhưng mình vừa khám phá ra một chuyện gì ly kỳ. Chúng tôi đã lén nằm ôm nhau trên những chiếc giường có nệm trắng tinh chỉ dành cho chủ Tây. Lòng thấy khoan khoái.

Trong những ngày trẻ thơ rong chơi ấy, có một kỷ niệm mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi. Một buổi sáng nọ, bắt chước các bác tiểu phu, tôi một mình vác cây rựa vào rừng. Thay vì như hằng ngày, vào rừng là tôi leo cây bắt chim con, hay hốt ổ, lấy trứng. Hôm đó tôi chặt củi. Lúc chặt củi tôi chặt vào một cây sơn. Thấy cây sơn mềm dễ chặt tôi cứ đi kiếm cây sơn. Cây sơn thường có mù. Mù đựng vào da làm lở mình mẩy và ngứa ngáy nếu ai có mồ hôi dàu. Người có mồ hôi muối thì tránh được cái lở. Tôi có mồ hôi dàu nên sau đó về đã chịu nằm nhà vài ba tuần lễ để chữa trị. Một bài học để tôi nhớ đến cây sơn đời đời. Sau này, cứ thấy cây sơn là tôi lo tránh. Ngoài những thú chơi thời trẻ thơ như tắm biển, tắm suối, bắt chim, hái trái, ngày đó tôi còn có thú cỡi bò. Những đàn bò từ Xã Phước

Hải hằng ngày cứ thả ăn rong trên những cánh rừng hoặc đi ăn dọc theo bãi biển. Dọc bãi biển thường là những cánh rừng chồi, cây cho đầy lá non quanh năm, nên đàn bò rất thích. Mấy anh chăn bò, buổi sáng khi lừa bò đến Nước Ngọt rồi, các anh cũng có việc riêng của các anh: làm bẫy bắt dong, bán chim, làm ống thụt, hái trái cò ke. Các anh là con nhà nghèo. Tám chín tuổi đã đi ở đợ coi bò, lấy tiền về phụ giúp cha mẹ. Mỗi ngày trên mình các anh chỉ có mên cơm nhỏ để ăn trưa. Nước uống của các anh là nước suối ở rừng, nước uống xin từ các quán ăn bên đường. Trái cây để các anh ăn là những trái hái trộm như vú sữa, xoài, măng cầu... trong vườn người ta, hoặc những trái cây sống hoang trong rừng như cù lằn, chóc mao, gùi, vú bò, cò ke... Đàn bò cứ ăn dọc bãi biển, thường buổi xế chiều hay đến gần quán nhà tôi, để trước khi được lừa về chuồng. Không cần xin ai, tôi cứ tự tiện ra tìm một con bò nhỏ nhỏ, vuốt ve một chút để xem nó cho cỡi hay không. Nếu nó chịu cho cỡi, tôi nhảy lên nằm vắt bụng mình ngang lưng bò cho bò công đi, hai chân hai tay bỏ lòng thòng xuống đất. Ngày đó tôi chưa dám ngồi trên lưng bò, vì nếu nó nhảy dựng lên là chỉ có nước... chết. Tôi đã thấy một anh chăn bò, cỡi bò, đã bị bò cho văng xuống đất nằm ôm bụng một lần nên đã tổn.

Năm năm mười chín, sáu mươi là những năm mà trí óc trẻ thơ tôi đã nhận thức được mọi việc. Tôi thấy những năm này đúng là những năm thanh bình ở Nước Ngọt. Ban đêm, những bác làm phu lục lộ cho Ty



Tranh: **Vũ Đình Từ**

Công Chánh, lái xe ống cán để cán đường, sau một ngày làm việc các bác cú nằm ngay ra trên lề đường để ngủ, để vừa giữ xe, hôm sau lại tiếp tục làm việc. Khi chiều đến, vì buồn, các bác vào quán ba tô ngồi trò chuyện đến khuya rồi mới trở ra xe để ngủ. Các bác chẳng sợ cộp sợ beo là gì. Những người dân chài lưới ở các làng lân cận đi cả đêm trên biển Nước Ngọt. Chài cá, lấy trứng vít, bắt ốc bắt còng. Bãi biển mênh mông là nguồn sinh sống bất tận cho dân nghèo. Ai ra khơi bằng ghe bằng xuồng củ ra. Ai ở nhà làm bò, bắt ốc, bắt cua củ làm. Cuộc sống pha trộn, đầy màu sắc, sống động trong thời đất nước còn thanh bình. Tiếc thay nó không kéo dài được lâu!

Về những chuyện được kể ra trong quán nhà tôi ở mỗi buổi tối, tôi nhớ nhất là những chuyện do Ông Sáu Hồi kể ra về nghề bẫy thú rừng để kiếm sống của ông. Ông kể lại

những chuyện nóng hổi vừa xảy ra hôm qua, hôm kia, khi ông vừa đánh bẫy được một con heo rừng hay một con trăn. Chuyện ông kể lúc nào cũng hào hứng bởi cách ông kể và do sự thêm thắt của ông. Khán thính giả ngồi im lắng nghe, lòng đầy thích thú, ngưỡng mộ. Chuyện những con hươu con nai hiền lành, không hồi hộp bằng chuyện những con heo rừng. Những con heo rừng bị trói chặt một chân vì chiếc bẫy, nằm im suốt đêm chịu trận. Nhưng khi ông đến gần, vừa nghe thấy tiếng người nó lồng lộn lên, tưởng nếu sứt bẫy ra nó sẽ lao vào chém chết ông ngay bằng hai cái răng nanh nhọn hoắt. Ông phải quần vói nó cho đến khi nó phải thật mệt, mới lừa thế nào, đến gần, đúng lúc, để phóng lao đâm chết. Vờn qua vờn lại với nó như người đánh võ. Và những con trăn lớn gần bằng bắp chân người, để nó quấn được là có chết vì gãy xương. Ông phải lừa thế nào để nó quấn vào những thân cây đang đứng, nhanh như chớp ông phải đến bên trăn và cột chặt nó lại ngay. Khi kể, hàm ông bạnh ra, mép râu dựng lên như râu các tướng trong truyện cổ, tóc dựng ngược, tay nổi lên đầy gân guốc. Ngồi nghe ông kể, nhìn tướng tá, điệu bộ, ai có ý nghi ngờ ông khoác lác cũng không thể nghi ngờ được. Chuyện với người là một hòa hợp thực tế. Ông chinh phục người nghe bằng ngay vóc dáng và điệu bộ đánh thú rừng của ông. Sau này, khi hơi lớn một chút tôi nghe má tôi kể lại ông Sáu Hồi đã bỏ nghề bắt thú rừng vì một lần ông giết chết một con heo rừng nai. Nó chết mang mười hai con heo con chết luôn trong bụng. Ông ân hận nên giải nghệ. Về già, vợ ông đau bệnh hoài, tiền những năm dành dụm bởi

nghe bắt thú đã tiêu hết cho tiền thuốc. Lúc gần chết ông sống trong khốn cùng! Thấy cũng dễ cười, ngược lại với ông Sáu Hời, ba tôi mỗi khi đi vào vườn, gặp rần ông hay nói gặp "chư vị", và lấy đoạn cây dài phát phát đuổi đi: "Mấy ông đi chỗ khác đi! Để cho tôi làm công chuyện!".

Buổi trưa thường chúng tôi hay xuống biển để tắm. Nắng chang chang. Mặt trời rọi ánh nắng xuống biển. Biển hiện lên như một màng kim tuyến, lóng lánh đầy màu sắc. Những ngày cuối tuần thường biển rất vui, vì đầy khách du lịch, và vì có những ông Tây bà Đầm mặc *bikini* thật lạ mắt để tắm biển, nằm phơi nắng với những cặp kính mát xanh rì. Nước Ngọt có rất nhiều bông hoa. Dọc đường đi đây những hoa mai Nhật Bản do người ta trồng. Trong những khu vườn đầy hoa giấy, hoa sù. Còn hoa rừng thì không thiếu, đủ loại, nở đầy, không biết tên mà kể. Buổi sáng vào rừng sớm. Không khí vẫn còn lạnh lạnh. Hương rừng vẫn còn thoang thoang. Rừng buổi sáng êm ru, chỉ có tiếng chim muông kêu gọi, thỉnh thoảng mới vang lên tiếng hú, tiếng tác của khỉ, vượn hay hươu nai như những cái ngáp to sau một đêm yên tĩnh. Tác, ngáp để đón ánh mặt trời. Đón một ngày mới. Khi mùa xuân đến, Tết sắp về, núi Nước Ngọt cho nhiều những cây mai, cành mai đẹp. Thời thanh bình, còn được phép lên núi, không năm nào tôi không cùng ông già lên núi chặt mai. Chặt mai về để bán, để chưng trong ba ngày Tết.

Căn nhà tôi ở ngay trên bờ biển nên không thể tránh gió biển. Nhất là những ngày có gió bắc, biển động, những ngày đông, Tết sắp về. Trong đêm, nằm ngủ trong nhà, nghe

âm thanh rào rào bên ngoài bởi gió là chuyện bình thường. Gió thổi vào mái tôn, kêu lạch cạch. Luồn qua vách ván, rì rào. Gió biển đã thổi qua thời trẻ thơ tôi một thời gian dài, mùa hè còn đỡ, mùa đông mang theo lạnh lẽo, âm thanh réo rắt hàng đêm, nó chỉ chấm dứt khi gia đình tôi tản cư về nơi khác, nhà không còn ở ngay trước mặt biển nữa.

Nói về gió tôi nhớ đến một khoảng thời gian thiếu cha. Thời gian ngắn nhưng đủ để người con thấm thía thế nào trong cuộc đời này, nếu một ngày nào đó vắng bóng cha. Khi ba tôi vắng nhà, mỗi đêm tôi thấy gió từ đâu cứ thổi về. Hay vì tôi buồn, hay thức giấc nửa đêm nên có cảm giác như vậy? Còn lúc có cha mình ở nhà thì cứ an tâm ngủ, đâu biết bên ngoài trời đất đang làm gì, gió bão ra sao. Ba tôi vắng nhà một thời gian vì ông mê một người đàn bà theo gánh hát. Bà chỉ có nhiệm vụ nấu cơm cho đoàn cải lương. Không phải là đào chánh, đào phụ mà ba tôi cũng lấy lòng mê mẩn. Ông đi mua hàng rồi gặp bà này ở chợ Long Hải. Sau này, khi tình nghĩa vợ chồng đã lạnh lặn lại, má tôi hay nói: "Hồi đó ba mày mê con đàn bà có chín ngón tay. Con chín ngón". Chắc bà này có tật ở tay? Tôi chẳng nghe thấy ba tôi nói gì, dính chính gì. Sau này lớn lên tôi nghe các bác lớn tuổi kể lại: "Ba mày hồi nhỏ cũng mèo mỡ giữ lắm! Mê người đàn bà theo gánh hát, đã có một đứa con riêng với người đàn bà này". Không mê cải lương mà lại mê người theo gánh cải lương. Sau này, khi không còn theo gánh hát đi đây đó nữa, bà mang con về miền Tây để sống quãng đời còn lại nơi chôn nhau cắt rốn của bà. Tôi hoàn toàn mù tịt về chuyện con riêng của ba tôi. Đến ngày gần

qua đời ông cũng không kể cho tôi chuyện tình riêng ngày trước của ông.

Nhưng ông có kể tôi một chuyện. Chuyện đó đáng đáng đời chút đến "người đàn bà chín ngón" của ông. Ông nói, lúc ba theo vợ nhỏ, má mày một mình ở nhà coi quán, nuôi anh em mày. Lúc ba không có ở nhà, mày lại nổi bệnh kinh phong. Má mày chạy chữa không nổi nên tìm người nhán ba về. Nghe tin mày bệnh ba phải trở về. Tình thương con mạnh hơn. Về đến nhà thấy mày nằm vùi trên giường, thỉnh thoảng lại làm kinh, mình mẩy co giựt thấy ghê. Ba cầu nguyện Trời Phật tìm được trúng thuốc trị cho bệnh tình mày, nhưng cả tháng trời bệnh con vẫn không bớt, dù uống đủ loại thuốc. Một hôm ba nằm ngủ mơ thấy một người mách ba cứ đi theo con đường lên các chùa chiền trên núi, như ba thường đi, sẽ thấy một sọ khỉ, mang sọ khỉ về mài cho con uống, bệnh sẽ khỏi. Sáng dậy, ba tôi làm theo người mách bảo trong giấc chiêm bao. Quả thực, ba tôi gặp được sọ khỉ và ông mang nó về nhà. Nhưng sau đó thì tôi hết bệnh mặc dù chưa uống nước tù sọ khỉ mài ra lần nào. Tin về sọ khỉ đồn ra, sau đó ai trong ấp có con bị kinh phong đều lại mượn sọ khỉ nhà tôi về mài cho con uống. Sọ khỉ đến nay vẫn còn ở trong nhà, đầu đã mất một lôm vì bị mài. Tôi không biết chuyện chiêm bao là chuyện thật hay do ba tôi tưởng tượng ra, nhưng chuyện tôi bị kinh lúc nhỏ và có sọ khỉ trong nhà là chuyện có thật.

Sau bảy mươi lăm. Chiến tranh chấm dứt. Nước Ngọt chưa ai được phép về ở, nhưng mọi người đã được đi bộ, đi xe qua lại nơi đây. Tôi đã đi qua lại con đường này những

ngày sau ba mươi tháng tư. Nhà tôi giờ chỉ còn cái nền xi-măng trắng. Chung quanh vẫn rừng chồi như ngày nào, không khác nhiều. Bàu nước nằm cạnh nhà vẫn còn đó. Chỉ có khác là đường nhiều loang lỗ, dọc đường không còn một nóc *vi-la*, không còn một mái chùa, cả nhà cửa của dân cư cũng không còn một cái. Dãy núi Kỳ Vân giờ trở ra màu trắng với đất đá, vì bom đạn trong thời chiến tranh đã tàn phá cây rừng quá nhiều. Tôi nặng lòng với cảnh cũ, nhưng biết làm gì hơn khi mình cũng chỉ là người nhỏ bé trong kiếp nhân sinh trước sự cuồng quay của trời đất, của thời đại.

Tôi chưa trở về Nước Ngọt ở lại thì đã giông ra nước ngoài để tỵ nạn. Thỉnh thoảng cứ nhớ về Nước Ngọt, với căn nhà của cha mẹ trước biển, với những kỷ niệm thời trẻ thơ sống ở nơi này, với Hùng với Hạt, lòng cứ thấy lâng lâng, bồi hồi. Giờ đã ở rất xa vùng quê hương yêu dấu ấy, nhưng cứ mỗi buổi sáng nơi đây, xú người, khi đi làm thấy ngọn gió bắc thổi hất nhẹ vào mặt, tôi lại nghĩ đến ngọn gió bắc và những cái Tết ở quê nhà. Ở đây nhà cửa ẩm cúng, không cho gió lùa lách vào khi đông về, nhưng hiện tại ở quê hương còn bao nhiêu người đang chịu những làn gió lạnh ấy?

Qua tin tức báo chí truyền hình, Việt Nam vẫn còn rất nhiều gia đình nghèo, cơm còn chưa đủ nuôi con, hướng chi có được mái nhà cho ấm trong những ngày đông về. Nhưng hy vọng thì vẫn phải hy vọng. Hy vọng trong mùa xuân mới sẽ có những luồng gió mới, gió vui cho quê hương Việt Nam yêu dấu.

Vũ Nam (Germany)

XUÂN VIỄN XÚ

Ta nằm nghe hát tình ca
Chợt nghe xuân đến thịt da gọi về.
Nắng hồng thấp đỏ sơn khê,
Gió lên cơn lốc tứ bề đảo điên!
Đất buồn úp mặt ưu phiền
Cho đời dấm nát từng miền thịt da!
Xuân về vàng võ sơn hà
Đieu linh vang vọng tiếng ca gọi hồn!

Yên Vi

NGHIÊNG BÓNG CHIỀU

Mẹ nơi cố lý đêm đông
Chăn bông có đủ ấm lòng quạnh hiu
Đằm chiêu dãi bóng con yêu
Viễn phương lưu lạc chắc nhiều sầu vương
Sớm chiều hoài vọng cố hương
Tâm hồn nặng trĩu niềm thương Mẹ hiền
Oằn vai gánh nỗi truân chuyên
Nuôi con khôn lớn triển miên ưu sầu
Dòng đời lấm cảnh bể dâu
Tóc pha sương khói còn đâu mộng đời
Môi khô chưa héo nụ cười
Tảo tần gương Mẹ sáng ngời trăm năm
Phương xa đêm vắng lặng thẳm
Vần thơ gửi Mẹ trầm ngâm nụ buồn
Công Cha nghĩa Mẹ tràn tuôn
Dạt dào con suối trên nguồn tâm tư.

ĐT Minh Giang

HOA NHÂN ÁI

Em là hoa, anh yêu loài hoa quý
Khi hoa tàn anh càng mến yêu hoa
Sao lạ vậy? Không có chi là lạ
Bởi vì hoa sẽ tạo trái thơm ngon
Như ảo vọng biến dần thành hiện thực
Như quân thù trở thành bạn thân quen
Lòng vị tha đem trái khắp mọi miền
Sẽ nhận được tình thương yêu hòa ái
Dù cuộc đời có muôn vàn ngang trái
Dù lòng người luôn đổi trắng, thay đen
Nhưng trong ta vẫn giữ vững niềm tin
Lòng nhân ái xóa tan lòng thù hận
Thiên đường đâu? Thiên đường gần ta nhất
Chính trong ta đã là cảnh Thiên đường
Không oán hờn, ghen ghét, chỉ yêu thương
Lòng thanh thản, không màng danh, hám lợi
Sống cuộc đời ung dung và tự tại
Hưởng thú vui với trăng, gió, trời, mây
Hạnh phúc đâu? Hạnh phúc ở nơi đây
Anh cùng em xây lâu đài Hạnh Phúc.



Vũ
Lang

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA ĐAO

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ V

BỔN PHẬN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA TRONG GIA ĐÌNH

Bổn phận đối với chồng trong đời sống thường nhật.

Nói chung về đời sống thường nhật của người thiếu phụ VN thì ngoài sự đảm đang, nòng còn biết khéo léo chiều chuộng từng sở thích của chồng:

Đốt than, nướng cá cho vàng

Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi.

Phòng khi khách có đến nơi

Cơm bưng, rượu rót cho vui lòng chồng.

Và:

Thương chồng nấu cháo le le

Nấu canh bông bí, nấu chè hạt sen.

Nàng biết, những món ăn ngon chính là một trong những bí quyết giữ gìn hạnh phúc lứa đôi. Người đàn ông đi xa thường hay nhớ đến những món ăn ngon của vợ, lại mau mau quay về tổ ấm gia đình :

Anh đi, anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.

Gặp khi chồng đau ốm, nàng tận tụy săn sóc:

Tay nâng chén thuốc, miếng gừng

Gừng cay, thuốc đắng xin đừng có quên.

Hay :

Tai em nghe anh đau đầu chưa khá

Em băng rừng chi xá, bẻ nạm lá về xông.

Ở làm sao đây cho trọn nghĩa vợ chồng

Đổ mồ hôi ra em chặm, ngọn gió lồng em che.

Nàng còn biết giữ thể diện cho chồng:

Vì chàng thiếp phải mua mâm

Những như thân thiếp bốc thăm cũng xong.

Những khi chồng nóng giận, nàng hiểu rằng:

Chồng giận thì vợ bớt lời

Cơm sôi bớt lửa, một đời không khê.

Nên đã tỏ thể làm lành :

Thò tay vuốt ngực chung tình

Nước sôi còn nguội, huống chi mình giận tôi.

Gặp phải lúc người chồng say mê bài bạc thì nàng tìm lời khéo léo can ngăn :

Anh ơi anh ở lại nhà

Thôi đừng cờ bạc nữa mà hư thân.

Tham chi những cửa phù vân

Lỡ ra công nợ nhiều phần xấu xa.

Lại khi chồng sinh thói nguyệt hoa, ra đường mê gái, về nhà chê vợ ỉ ôi :

Cam sành ché đắng, ché hôi

Hồng xiêm ché lạt, cháo bồi khen ngon.

Nàng tuy buồn tủi nhưng vẫn nhỏ nhẹ khuyên lơn:

Anh ơi anh ở lại nhà

Thôi đừng vui thú nguyệt hoa chơi bời.

Có tiền kẻ rước, người mời

Hết tiền chẳng thấy một người nào ưa.

Không nghe lời vợ khuyên can thì chớ, chồng nàng còn giữ thói vũ phu, mắng chửi, đánh đập nàng, nàng chỉ biết nhẫn nhục van xin :

Giang tay đánh thiếp sao đành

Tắm rách ai vá, tắm lạnh ai may.

Nhiều khi nàng còn phải nhẫn nhục hơn nữa

kia, nghĩa là ngậm bồ hòn làm ngọt, vui vẻ chấp thuận lấy vợ bé cho chồng cho yên cửa, yên nhà:

*Chồng giận thì vợ làm lành
Miệng cười tủm tỉm thưa anh giận gì?
Anh ơi, anh giận em chi
Muốn lấy vợ bé... em thì lấy cho.*

Sống dưới chế độ phụ quyền duy lý của Nho giáo, quyền người cha, người chồng rất lớn. Nho giáo coi trọng chữ hiếu mà đầu mối chữ hiếu là sinh con trai để nối dõi tông đường, phụng thờ cha mẹ tổ tiên. Nhà nào có đông con, nhiều cháu trai thì cho là đại phúc. Quan niệm này mặc nhiên chấp nhận cho người đàn ông được quyền nắm thê, bầy thiếp; đó chính là lý do khiến họ dễ sinh lòng nọ, tâm kia :

*Đàn ông nắm bầy lá gan
Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.*

Nếu nàng thiếu phụ của chúng ta chẳng may không có con trai, nàng chẳng những phải chủ động đứng ra cưới vợ bé cho chồng, mà từ đó còn bị chồng phụ rẫy, hắt hủi; vậy mà vẫn một niềm chịu đựng, một dạ thủy chung :

*Chàng ơi đánh thiếp làm chi
Thiếp như cơm nguội những khi đói lòng.*

Lại có những trường hợp nàng dâu nhà nghèo, gặp phải bà mẹ chồng cay nghiệt; nhất là trước kia nhà gái lại thách cưới quá nhiều khiến bà giận, bà tức, từ đó mới nảy sinh tâm lý trả thù nàng dâu “Mất tiền mua mâm, bà đâm cho thủng!”. Nàng dâu trở thành cái bia đưa lưng chịu đòn :

*Đêm nằm lưng nở bén giường
Mụ già đã xốc vô buồng kéo ra
Bảo lo con lợn, con gà
Lo cối xay lúa, quét nhà, nấu cơm.
Ôm đầu mụ nở có thương
Mụ hành, mụ hạ đủ đường khốn thân.
Tối về bụng bát cơm ăn
Mụ cầm cái đọi, mụ quăng vô người.*

Gặp cảnh ngộ này nhiều khi nàng dâu chịu

không thấu phải tình chuyện thoát ly; nhưng nghĩ đến nông nổi phải bỏ chồng nàng lại dùng dằng chẳng nở :

*Nổi vẻ, nổi ở chưa xong
Bối rối trong lòng như đánh cờ vầy.*

Cuối cùng, nàng đã quyết định ngả theo tình nghĩa, chấp nhận ở lại làm nạn nhân của bà mẹ chồng khắc nghiệt để được trọn tình, vẹn nghĩa phu thê :

*Vợ chồng đầu gối má kề
Lòng nào mà bỏ má về cho đang.
Hở về chân lại đá ngang
Về sao cho được, cho đang mà về.*

Có thể nói, chính nhờ những đức tính đảm đang, chịu thương chịu khó, tận tụy, nhẫn nhục, hy sinh, thủy chung, nghĩa tình này mà hầu hết những người phụ nữ VN xưa đã xây dựng và bảo vệ được hạnh phúc gia đình.

KẾT LUẬN

Tóm lại, những câu ca dao và dân ca nói về những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa, qua nhiều khía cạnh cùng nhiều giai đoạn trong cuộc đời như vừa trình bày, chúng ta đã rõ : không phải chờ đến khi người Trung quốc sang đô hộ nước ta, dạy dân ta lễ nghĩa Nho giáo Khổng Mạnh, chúng ta mới biết đến trung-hiếu-tiết-nghĩa, mà thực ra, chúng ta đã biết những điều ấy từ ngàn xưa (có thể chứng minh thêm bằng truyện cổ tích Bánh dày bánh chưng, Trầu cau... có từ đời Hùng Vương).

Tuy nhiên, chúng ta không phủ nhận công của Nho giáo đến với dân tộc này, đã giúp chúng ta xưng danh và định nghĩa những tình cảm ấy. Và nhờ Hán Nho, Tống Nho hệ thống hóa những liên hệ tình cảm giữa con người với nhau, tạo nên một nền luân lý đạo đức, khi truyền sang nước ta, đã giúp cho nhiều người xấu không dám làm bậy, khiến ông cha ta đã bảo tồn và phát huy được một nền văn hóa tốt đẹp cho dân tộc.

Thực ra, những giáo điều duy lý cứng

nhắc cùng những lễ nghi qui ước xã hội khe khắt của Hán Nho, Tống Nho chỉ được những người trong giai cấp thống trị và những nhà Nho bảo thủ của ta bắt vợ con triệt để tuân theo ; còn đám quảng đại quần chúng thì chỉ thuận theo những gì hợp với tâm tình và phong tục, tập quán của dân tộc.

Chúng ta còn khác Hán Nho Tống Nho ở điểm ,chúng ta làm bốn phận, có theo qui ước xã hội chẳng nữa, cũng không phải vì hình thức bề ngoài, vì giáo điều bắt buộc, mà bằng con tim dạt dào yêu thương, bằng tấm lòng hy sinh, đôn hậu, hiếu nghĩa, thủy chung của người Việt Nam .(Những gì giả dối, bề ngoài thường bị đá kích, mĩa mai qua ca dao trào phúng hay ca dao ngụ ngôn).

Xã hội ngày nay đã quá đổi thay, những vấn đề phụ nữ là nạn nhân của chế độ phụ quyền duy lý của Nho giáo, như bị thất học, bị bóc lột, bị hạ giá, bị là nạn nhân của cảnh lấy vợ chỉ để sinh con nối dõi tông đường và hầu hạ gia đình nhà chồng, cùng cảnh vợ bé con thêm... không còn được nói đến nữa. Mà vấn đề nay được đặt ra là : Trong nếp sống văn minh vật chất hiện đại, người phụ nữ Việt Nam, ngoài việc đi làm để chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình với chồng (đôi khi vì hoàn cảnh riêng phải gánh vác một mình, như chồng đã chết trong chiến trận hay sau biến cố 1975, chồng bị chết hay bị tù đầy nhiều năm trong các trại cải tạo...), họ còn có bốn phận đóng góp công sức để xây dựng quốc gia, xã hội ; thì trước sự bành trướng cá nhân chủ nghĩa của xã hội tự do Âu Mỹ, cũng như dưới chế độ độc tài đảng trị CS , gia đình phải phó thác sự giáo dục con em cho cơ quan nhà nước (chỉ biết trung với đảng mà thiếu giáo dục về luân lý cá nhân, về đạo đức công dân) thì liệu chúng ta, những người phụ nữ Việt Nam, ở trong cũng như ở ngoài nước, có còn duy trì được những nét đẹp tinh thần khả ái có từ ngàn xưa nữa không ?

Nếu để ý cuộc sống của bà con xung quanh, hoặc qua sách báo, chúng ta hẳn

thấy, từ mấy chục năm nay, những đức tính cao quý như nhẫn nại, đảm đang, chung thủy, hy sinh... truyền thống của phụ nữ Việt Nam đã có nhiều dịp thử thách. Và chúng ta phải mừng rằng , chỉ trừ một thiểu số phụ nữ thiếu căn bản giáo dục, hoặc tính khí nông nổi mới bị chi phối, bị quyến rũ bởi ngoại cảnh ; còn đại đa số phụ nữ , dù sống trong hoàn cảnh khó khăn nào cũng cố gắng chu toàn bốn phận làm con, làm vợ và làm mẹ của mình.

Để kết thúc cho bài nói chuyện về Những Nét Đẹp Của Người Phụ Nữ Việt Nam Qua Ca Dao, chúng tôi xin được giới thiệu 4 câu thơ tâm đắc, mà chúng tôi đã được học ngay từ hồi Lớp Nhất tại Trường Nữ Tiểu Học Thanh Quan, Hàng Cót Hà Nội (1949-1950) với Cô Giáo Mai Thị Trí. Bốn câu thơ này đã đúc kết những nét đẹp tinh thần truyền thống của người phụ nữ Việt Nam như chúng ta đã biết, với ước mong , những nét đẹp cao quý ấy sẽ tồn tại bất diệt với thời gian :

Hỡi cô gái Việt Nam tôi kính cần

Cúi chào cô , người vợ đảm , mẹ hiền.

Cô là hiện thân của lòng kiên nhẫn

Của sự dịu dàng , tình âu yếm vô biên.

(Đoàn Văn Cừ)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bảo Định Giang, Nguyễn Tấn Phát, T. Tấn Vinh, Bùi Mạnh Nhị: Ca dao dân ca Nam bộ, nhà xb Thành phố HCM, 1986.

Cao Thế Dung: Vị trí đích thực và giá trị cao quý của phụ nữ VN.

Đào Văn Hội, Phong tục miền Nam qua mấy vần thơ ca dao, Xuân Thu xb tại Hoa Kỳ, 1985

Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, soạn thời Lê Thánh Tôn

Phương Lan, Anh Thơ Nước Việt, Đại Nam xb
Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Tục Ngữ Phong Dao, Mạc Lâm xb Saigon 1967.

Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Bộ Giáo dục xb, Saigon 1971.

Vũ Ngọc Phan, Tục ngữ, Ca dao, Dân ca VN (in lần thứ 8)